

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**HỒ SƠ**  
**GIỚI THIỆU**  
**NĂNG LỰC DOANH NGHIỆP**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG**  
**GIA LÊ NGUYỄN**

-----  
**LAS-XD 35.004**  
**( Số cũ: LAS-XD 939)**



KÍNH GỬI: .....

ISO/IEC 17025:2017 – VALAS- 028  
GIA LE NGUYEN CO.,Ltd



GIA LE NGUYEN CO.,Ltd

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
GIALENGUYEN CONSTRUCTION CONSULTANT LIMITED COMPANY

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT  
TEL: 0263.3703443 – 0263.3 747 989; FAX: 0263.3 810269

Email : [gialenguyendl@gmail.com](mailto:gialenguyendl@gmail.com)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**GIỚI THIỆU NĂNG LỰC**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

**A. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY :**

**I/ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH :**

- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Gia Lê Nguyên được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2010; Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số : 5800883547 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp
- Đến ngày 10 tháng 02 năm 2012 Công ty Đăng ký thay đổi lần thứ 2 được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là : Công ty TNHH hai thành viên trở lên với Mã số : m5800883547 ngày 10/02/2012;
- Ngày 10 tháng 2 năm 2023 Công ty Đăng ký Thay đổi nội dung về thông tin của doanh nghiệp ( do thay đổi số Chứng minh nhân dân sang Căn cước Công dân của các thành viên Công ty ) và cập nhật lên hệ thống thông tin Quốc Gia , theo Giấy xác nhận số : 7706/24 ngày 21/06/2024 .

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28 tháng 01 năm 2010 đến nay.

**II/ GIỚI THIỆU CÔNG TY :**

-Tên tiếng Việt :

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

-Tên tiếng Anh ( viết tắt) GIA LE NGUYEN CO., LTD

- Lo go của Công ty :



GIA LE NGUYEN CO.,LTD

-Trụ sở: Số Nhà 02 đường Quang Trung , Phường 9 , Thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng .

( đánh lại số nhà mới : 28 Quang Trung , Phường 9, TP Đà Lạt – Lâm Đồng )

-Điện thoại : (0263) 3703 443 - Di động : 0918 313 011

-Số Tài khoản : 5400 2010 04 898 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh Lâm Đồng ( Agribank LamDong)

-Email: [gialenguyendl@gmail.com](mailto:gialenguyendl@gmail.com)

-Chủ tịch Hội đồng thành viên : Ông Lê Văn Mưu

CCCD số : 068051000149 Do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/05/2021.

Địa chỉ cư trú : Số 02 Quang Trung , Phường 9, TP Đà Lạt , tỉnh Lâm Đồng .

Điện thoại : 0903 823 440

- Giám đốc Công ty : Ông Lê Nguyên Huy
- CCCD số : 068051000149 Do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 01/05/2021.

### III/ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY :

1/ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết

( Mã ngành chính **7110** )

-Tư vấn, Khảo sát Địa hình , địa chất Công trình

-Kiểm định chất lượng Vật liệu Xây dựng

-Tư vấn Thẩm tra Thiết kế và dự toán, Giám sát thi công công trình kỹ thuật Dân dụng, Công nghiệp, Giao thông, Thủy lợi.

- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

-Thiết kế Quy hoạch Xây dựng.

2/ Hoạt động Tư vấn Quản lý ( Mã ngành **7020**)

Chi tiết :

- Tư vấn Lập dự án đầu tư

-Tư vấn Lập Hồ sơ mời thầu

- Tư vấn Quản lý và điều hành dự án

### 3/Kiểm tra và phân tích kỹ thuật ( Mã ngành 7120)

Chi tiết :

- Thí nghiệm , kiểm định Vật liệu xây dựng

Phòng Thí nghiệm Địa chất và Vật liệu Xây dựng

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 270/QĐ-BXD ngày 26/06/2010 - **LAS-XD 939** do Bộ Xây dựng cấp.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 908/GCN-BXD ngày 03/07/2019 - **LAS-XD 939** do Bộ Xây dựng cấp.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1558/GCN-SXD ngày 02/07/2024 - **LAS-XD 35.004 (LAS-XD 939)** do Sở Xây dựng Lâm Đồng cấp.

- Tên Phòng Thí nghiệm :

#### **PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

+ Địa điểm : 90/23 đường Lữ Gia, Phường 9, TP Đà Lạt , Tỉnh Lâm Đồng (số cũ :13 Đ đường Lữ Gia , Phường 9, TP Đà Lạt –tỉnh Lâm Đồng )

+ Trưởng Phòng Thí nghiệm : KS. LÊ NGUYỄN HÙNG

+ Số ĐT : 0982 49 02 02

- NĂNG LỰC CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM :

(Danh mục các chỉ tiêu Thí nghiệm đính kèm theo Giấy chứng nhận số 1558/GCN-SXD ngày 02/07/2024 )

# CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng GIA LÊ NGUYÊN cam kết:

1. Công ty phấn đấu trở thành một trong những đơn vị thí nghiệm địa chất và Vật liệu xây dựng có uy tín trong Tỉnh Lâm Đồng và các vùng phụ cận;
2. Công ty luôn lắng nghe, tôn trọng ý kiến góp ý của khách hàng không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của công việc nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng;
3. Đảm bảo tính tin cậy của tài liệu thí nghiệm với giá cả hợp lý;
4. Luôn luôn quan tâm việc nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, môi trường làm việc, tạo sự an tâm cho CBCNV yên tâm công tác, và công tác tốt nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm của khách hàng.
5. Lãnh đạo Công ty cam kết tạo mọi điều kiện, cung cấp nguồn lực cho việc vận hành hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2017.
6. Thấu hiểu, áp dụng, duy trì, cải tiến có hiệu quả chính sách chất lượng bởi toàn thể nhân viên ở mọi cấp trong Công ty.

Đà Lạt, ngày 15 tháng 06 năm 2019



Lê Nguyễn Huy



GIA LE NGUYEN CO.,Ltd

## **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

GIALENGUYEN CONSTRUCTION CONSULTANT LIMITED COMPANY

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

**PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG LAS 35.004 ( LAS 939)**

SỐ 13Đ – LỮ GIA – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

TEL: 063.3703443 – 0982 490202; FAX: 063.3 810269

Email : gialenguyendl@gmail.com

# **HỒ SƠ PHÁP LÝ**

**PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG  
LAS 35.004 ( LAS 939)**

## **MỤC LỤC**

<b>STT</b>	<b>MỤC</b>	<b>NỘI DUNG</b>
<b>1</b>	<b>PHẦN 1</b>	<b>HỒ SƠ PHÁP LÝ</b>
<b>2</b>	<b>PHẦN 2</b>	<b>DANH SÁCH KỸ SƯ VÀ CÁN BỘ KỸ THUẬT CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY</b>
<b>3</b>	<b>PHẦN 3</b>	<b>GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN MÁY MÓC THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH</b>
<b>4</b>	<b>PHẦN 4</b>	<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU</b>



GIA LE NGUYEN CO.,Ltd

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

**GIALENGUYEN CONSTRUCTION CONSULTANT LIMITED COMPANY**

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

**PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG LAS 35.004 ( LAS 939)**

SỐ 13Đ – LỮ GIA – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

TEL: 063.3703443 – 0982 490202; FAX: 063.3 810269

Email : gialenguyendl@gmail.com

**PHẦN 1: HỒ SƠ PHÁP LÝ**

Bao gồm:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 5800883547**

*Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 21 tháng 06 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 28 Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

Điện thoại: 0918313011-0903823440

Fax:

Email: [gialenguyendl@gmail.com](mailto:gialenguyendl@gmail.com)

Website:

**3. Vốn điều lệ : 1.200.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN MƯU	Việt Nam	Số 02, Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	600.000.000	50,000	068051000 149	

2	LÊ NGUYỄN HUY	Việt Nam	Số 13Đ, Lữ Gia, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	600.000.000	50,000	068075000 867
---	---------------	----------	---	-------------	--------	------------------

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: LÊ VĂN MƯU

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: *04/08/1951* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *068051000149*

Ngày cấp: *01/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 02, Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 02, Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

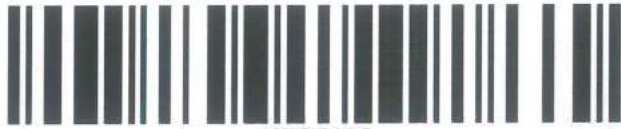


**TRƯỞNG PHÒNG**

*[Handwritten signature]*

*Trần Loan Anh*

Số:



7706/24

## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: Số 36, Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02633532268-0263 3827165 Fax: 02633834806

Email: [dkkd.skh@lamdong.gov.vn](mailto:dkkd.skh@lamdong.gov.vn) Website:

#### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 5800883547

### Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, khảo sát địa hình, địa chất công trình, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng. Tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán, giám sát thi công công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Thiết kế quy hoạch xây dựng.	7110(Chính)
2	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn quản lý điều hành dự án.	7020
3	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng.	7120
4	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đòi với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LÊ VĂN MUY Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: <i>Số 28 Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam</i> Điện thoại: 063 3810269 Fax: 063 3823659 Email: <i>gialenguyen@gmail.com</i>
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: <i>Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12</i>
6	Tổng số lao động: <i>10</i>
7	Phương pháp tính thuế GTGT:
8	Có báo cáo tài chính hợp nhất: <i>Không</i>
9	Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: <i>Không</i>

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY  
DỰNG GIA LÊ NGUYỄN. Địa chỉ:Số 28  
Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà  
Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

-.....;  
- Lưu: Nguyễn Hoàng Văn Hoan.....

 **TRƯỞNG PHÒNG**



*Trần Loan Anh*

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG  
SỞ XÂY DỰNG  
Số: 1558 /GCN-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Lâm Đồng, ngày 02 tháng 7 năm 2024.

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 07/6/2024 của Công ty TNHH tư vấn xây dựng Gia Lê Nguyễn; Biên bản đánh giá Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 19/6/2024.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH tư vấn xây dựng Gia Lê Nguyễn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5800883547; Đăng ký lần đầu ngày 28/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/02/2012 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Địa chỉ: Số 02, đường Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0918 313011/0982 490202 ; email: gialenguyendl@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa chất và vật liệu xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 90/23 Lữ Gia, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Số cũ: 13 Đ Lữ Gia, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 35.004 (Mã số đã được cấp LAS-XD 939).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký. *t. l. c.*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD SXD (b/c);
- Công ty TNHH TVXD Gia Lê Nguyễn;
- Website SXD;
- Lưu: VT, QLXD<sub>(BS)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 35.004**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 1558/GCN-SXD ngày 02 tháng 7 năm 2024)

SỐ TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
<b>I</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định Hàm lượng mất nước khi nung	TCVN 141:2008
5	Xác định Hàm lượng SiO <sub>2</sub> và cặn không tan	TCVN 141:2008
6	Xác định Hàm lượng SO <sub>3</sub>	TCVN 141:2008
<b>II</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>	
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
8	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
9	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022
10	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022
11	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
12	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
13	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
14	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
15	Xác định độ chống thấm nước bê tông	TCVN 3116:2022
16	Xác định cường độ chịu nén bê tông	TCVN 3118:2022
17	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn bê tông	TCVN 3119:2022
<b>III</b>	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
18	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006
20	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của gốc đá và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
21	Xác định khối lượng riêng thể tích và độ xốp, độ hồng	TCVN 7572-6:2006
22	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
23	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
24	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
25	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
26	Xác định độ nén dập và hệ số mềm hóa của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006

27	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006
28	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
29	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
30	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:2006
31	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
32	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
33	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
<b>IV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
34	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
35	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
36	Xác định giới hạn dẻo; giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
37	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
38	Xác định sức chống cắt của đất trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014
39	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
40	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
41	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
42	Xác định độ bền nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012
43	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012
44	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
45	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
46	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
47	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012
48	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
49	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR). Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
<b>V</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
50	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
51	Thử uốn	TCVN 198:2008
52	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
53	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995
54	Kiểm tra giới hạn bền kéo của bu lông	TCVN 197:2014
55	Kiểm tra giới hạn bền kéo của cáp dự ứng lực	ASTM A370-07
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>	
56	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
57	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
58	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011

59	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
60	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
61	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
62	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
63	Xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
64	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
65	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
66	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
67	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
68	Phương pháp Marshall để lựa chọn tỷ lệ và thành phần vật liệu trong Bê tông nhựa - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011
<b>VII</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT</b>	
69	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
70	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496:2005
71	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
72	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
73	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499: 2005
74	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 2005
75	Xác định khối lượng riêng (phương pháp pyenometer) 25oC	TCVN 7501: 2005
76	Xác định độ dính bám đôi với đá	TCVN 7504: 2005
<b>VIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG AXÍT NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT</b>	
77	Xác định độ nhớt Saybolt Furol 250C	TCVN 8817-2:2011
78	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
79	Xác định hạt quá cỡ ( Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
80	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
81	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
82	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
83	Xác định dính bám và chịu nước	TCVN 8817-8:2011
84	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011
85	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
86	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
87	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
88	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011

89	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
90	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
91	Xác định thành phần Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số hấp nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	TCVN 12884:2020; TCVN 8735:2012; TCVN 4197:2012
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
92	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
93	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
94	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
95	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
96	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
97	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
98	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
<b>XI</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>	
99	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
100	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
101	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
102	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
103	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
104	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
<b>XII</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
105	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:2011
106	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6476:2011
107	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:2011
<b>XIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG</b>	
108	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
109	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6477:2016
110	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
111	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
112	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
<b>XIV</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO</b>	
113	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
114	Xác định độ bền chịu uốn	TCVN 7744:2013
115	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013

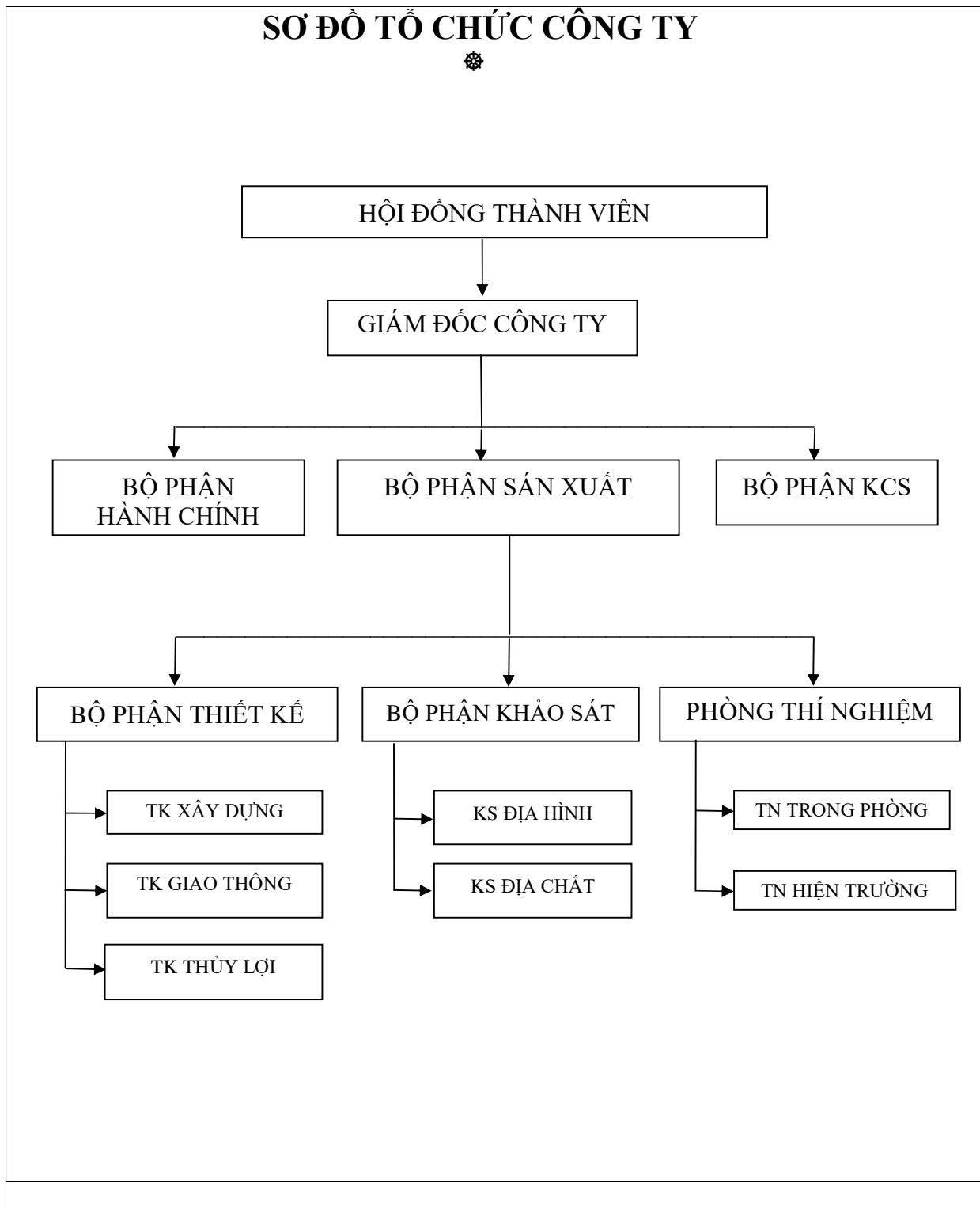
116	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
<b>XV</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP</b>	
117	Xác định: tải trọng uốn gãy của ngói; độ hút nước, thời gian xuyên nước; khối lượng 1m <sup>2</sup> ngói bão hòa nước	TCVN 4413:1995
<b>XVI</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE</b>	
118	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước	TCVN 11893:2017
<b>XVII</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>	
119	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
120	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012
121	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3 m	TCVN 8864:2011
122	Xác định mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
123	Xác định mô đun đàn hồi nền, mặt đường bằng cân đo vồng benkenman	TCVN 8867:2011
124	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
125	Phương pháp sử dụng xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
126	Thí nghiệm xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (Thí nghiệm nén nền)	TCVN 9354:2012
127	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
128	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012
129	Kiểm tra đường hàn – Phương pháp dùng bột từ MT	TCVN 4396:2018
130	Khoan mẫu xác định cường độ của mẫu khoan BTXM	TCXDVN 239:2006
131	Thí nghiệm kiểm tra kích thước, độ bền uốn nứt, uốn gãy, độ bền mỏi nối, độ bền cắt, độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục thân cọc bê tông cốt thép	TCVN: 7888:2014
132	Kiểm tra cường độ chịu kéo nhỏ của thép khoan cây, ống neo, bu lông neo	TCVN 9490:2012 ; BS 8539:2012
133	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
<b>XVIII</b>	<b>THỬ NGHIỆM CÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP</b>	
134	Công hộp và công tròn: Ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của dốt công; Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012
<b>XIX</b>	<b>THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT</b>	
135	Xác định hình dáng, kích thước khuyết tật	TCVN 4732:2016

136	Xác định độ hút nước	TCVN 4732:2016
137	Xác định độ mài mòn (bề mặt)	TCVN 4732:2016
138	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016
139	Xác định độ bền uốn	TCVN 4732:2016
140	Xác định độ cứng vạch bề mặt, xác định độ vuông góc, xác định độ phẳng	TCVN 4732:2016

*Ghi chú (\*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn (đã liệt kê), phải áp dụng phiên bản tiêu chuẩn mới tương ứng.*



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Lạt, Ngày 01 tháng 01 năm 2010

Số : 09 /GLN/QĐ

### **QUYẾT ĐỊNH**

V/v **Bổ nhiệm Giám đốc**  
**Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Gia Lê Nguyên**

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

- Căn cứ bản điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH tư vấn Xây dựng Gia Lê Nguyên đăng ký ngày 22 tháng 01 năm 2010
- Căn cứ nhu cầu điều hành hoạt động của Công ty ;
- Xét năng lực và phẩm chất của nhân viên ;

### **QUYẾT ĐỊNH**

**ĐIỀU I :** Nay bổ nhiệm Ông **LÊ NGUYÊN HUY**- nghề nghiệp : Kỹ sư Thủy lợi - Cử nhân khoa học quản trị kinh doanh, làm Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Gia Lê Nguyên kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010.

**ĐIỀU II :** Ông Lê Nguyên Huy, chịu trách nhiệm tổ chức điều hành hoạt động Công ty theo đúng điều lệ và phương hướng hoạt động của Công ty hàng năm do Chủ tịch Công ty quyết định .

**ĐIỀU III :** Các ông Trưởng các đơn vị có liên quan trong Công ty và Ông Lê Nguyên Huy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký ./

Nơi nhận :

- Sở KH&ĐT LD "để ĐK"
- Như điều III "Để thực hiện"
- Lưu VP Cty



LÊ VĂN MƯỜU



GIA LE NGUYEN CO.,Ltd

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

GIALENGUYEN CONSTRUCTION CONSULTANT LIMITED COMPANY

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

**PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG LAS 35.004 ( LAS 939)**

SỐ 13Đ – LỮ GIA – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

TEL: 063.3703443 – 0982 490202; FAX: 063.3 810269

Email : gialenguyendl@gmail.com

**PHẦN 3:**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN MÁY MÓC THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH**



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

**GIA LÊ NGUYỄN**

GIA LE NGUYEN Co.,Ltd

02 QUANG TRUNG - P.9 - TP. ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG ĐT : (063) 3810269 FAX : (063) 3823659 Email : gialenguyendl@gmail.com

THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**LAS-XD 35.004**

(SỐ CŨ : LAS-XD 939)

ĐT: (0263) 3 703 443 - 0982 49 02 02  
Email: gialenguyendl@gmail.com



◆ BỘ THỬ THẨM NAM KINH



◆ MÁY THÍ NGHIỆM KÉO THÉP VẠN NĂNG  
JINYVAN – MODEL : WES-100B



- ◆ MÁY THỬ NÉN BÊ TÔNG 2000Kn TYE 2000A
- ◆ TỦ SẤY – model : 101-1 KETTONG
- ◆ MÁY NÉN CỔ KẾT TAM LIÊN NANJING WG-1B
- ◆ MÁY CẮT 2 TỐC ĐỘ - NANJING EDJ-1



◆ MÁY XÁC ĐỊNH ĐỘ THẨM BÊ TÔNG HS-4



◆ CÂN BENKELMAN



◆ CÂN PHÂN TÍCH AXIS-EU MODEL : AD 500



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

**GIA LÊ NGUYỄN**

GIA LE NGUYEN Co., Ltd

02 QUANG TRUNG - P.9 - TP. ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG ĐT : (063) 3810269 FAX : (063) 3823659 Email : gialenguyendl@gmail.com

THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**LAS-XD 939**

ĐT : (063) 3730443 FAX : (063) 3810270  
Email : tn.gialenguyen@gmail.com

**MÁY NÉN CBR / MARSHALL**

**BỂ ÒN NHIỆT MARSHALL**

**BỘ CHÀY ĐÀM MARSHALL**




**DANH SÁCH CB NHÂN VIÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VLXD  
(LAS-XD 939 )**

STT	HỌ VÀ TÊN	NGHỀ NGHIỆP	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	LÊ NGUYỄN HÙNG	Kỹ sư Xây dựng	Trưởng Phòng	
2	HÀ VĂN HÒA	Kỹ sư địa chất	PT. kỹ thuật	
3	NGUYỄN ĐỨC VŨNG	Kỹ sư XD , Địa hình	CB kỹ thuật - TNV	
4	BÙI VĂN PHÚC	Kỹ sư Xây dựng	CB kỹ thuật - TNV	
5	NGUYỄN QUỐC BẢO	Cao đẳng cầu đường	nhân viên thí nghiệm	
6	TRẦN KHÁNH LINH	Thí nghiệm viên	nhân viên thí nghiệm	
7	HOÀNG VĂN CƯỜNG	Thí nghiệm viên	nhân viên thí nghiệm	

Đà Lạt, ngày 25 tháng 11 năm 2022  
CÔNG TY TNHH TVXD GIA LÊ NGUYỄN

NGƯỜI LẬP

  
Lê Nguyễn Hùng



Lê Nguyễn Huy



GIA LE NGUYEN CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

Tel : 0263.3 703 443 – 3 747 988; FAX: 0263.3 810 269

Email : gialenguyendl@gmail.com

**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS-XD 939**

SỐ 13 Đ , đường Lữ Gia – Phường 9 – TP Đà Lạt

Tel: 0263 3 810 270 - fax : 02633 810 269

## BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

### 1) Ông : LÊ NGUYỄN HÙNG – Trưởng phòng

TT	Tên công việc
1	Chịu trách nhiệm trong việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động, công tác của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao
2	Tổ chức biên soạn quy trình, quy định do Lãnh đạo Công ty giao
3	Quản lý tổng thể hệ thống tài sản, cơ sở vật chất của đơn vị. Lập kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung lớn về cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn
4	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ trong đơn vị mình
5	Lập kế hoạch bổ sung nguồn nhân lực cho đơn vị trong từng năm
6	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của chức danh Phụ trách Chất lượng
7	Phân công nhiệm vụ cụ thể phát sinh hàng ngày cho các thành viên trong Phòng
8	Thực hiện thử nghiệm ( Thí nghiệm viên ) một số chỉ tiêu khi TNV đi vắng.
9	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
10	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
11	Thực hiện nhiệm vụ khác do Lãnh đạo phân công

Người thay thế khi vắng mặt:

- Lĩnh vực Kỹ thuật: Ông Hà Văn Hoà – Kỹ sư Địa chất
- Lĩnh vực Chất lượng: Ông Nguyễn Đức Vững – Kỹ sư Xây dựng

### 2/ Ông Hà Văn Hoà – Kỹ sư địa chất – Phụ trách kỹ thuật

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: CB phụ trách kỹ thuật Về địa chất công trình .
2	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm- báo cáo công tác khảo sát địa chất công trình.
3	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
4	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng thiết bị/phương tiện đo theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
5	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
6	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
7	Lập kế hoạch hiệu chuẩn/bảo trì bảo dưỡng thiết bị của đơn vị theo kế hoạch
8	Thực hiện các công việc khác được phân công



- Người thay thế khi vắng mặt: Ông Lê Nguyên Hùng đối với các nội dung kiểm tra hồ sơ kỹ thuật và các kết quả Thử nghiệm.

### 3) Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thí nghiệm viên

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: thí nghiệm viên
2	Thực hiện các hoạt động hành chính: Trình ký các loại hồ sơ, cập nhật giao nhận mẫu thí nghiệm vào sổ theo dõi, tổng hợp số liệu báo cáo tuần/tháng, chấm công, tạm ứng lương, đăng ký văn phòng phẩm,...
3	Theo dõi, ghi chép điều kiện môi trường
4	Theo dõi tiến độ thực hiện mẫu gửi tại Công ty
5	Thực hiện các công tác về mua sắm: các vật dụng đơn giản phục vụ hoạt động của phòng, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ phòng thử nghiệm
6	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
7	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
8	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
9	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
10	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
11	Thực hiện các công việc khác được phân công

Người thay thế khi vắng mặt: Ông: Nguyễn Đức Vững đối với công tác thí nghiệm mẫu

### 4) Ông Nguyễn Đức Vững – Thí nghiệm viên

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: thí nghiệm viên
2	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
3	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
4	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng thiết bị/phương tiện đo theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
5	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
6	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
7	Lập kế hoạch hiệu chuẩn/bảo trì bảo dưỡng thiết bị của đơn vị theo kế hoạch
8	Thực hiện các công việc khác được phân công

Người thay thế khi vắng mặt: Ông: Bùi Văn Phúc đối với công tác thí nghiệm mẫu ....

### 5/ Ông Bùi Văn Phúc – Thí nghiệm viên

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: thí nghiệm viên
2	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
3	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
4	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng

	thiết bị/phương tiện đo theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
5	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
6	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
7	Lập kế hoạch hiệu chuẩn/bảo trì bảo dưỡng thiết bị của đơn vị theo kế hoạch
8	Thực hiện các công việc khác được phân công

Người thay thế khi vắng mặt: Ông .Hà Văn Hoà: đối với công tác thí nghiệm mẫu .

#### 6/ Ông Trần Khánh Linh – Thí nghiệm viên

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: thí nghiệm viên
2	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
3	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
4	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng thiết bị/phương tiện đo theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
5	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
6	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
7	Lập kế hoạch hiệu chuẩn/bảo trì bảo dưỡng thiết bị của đơn vị theo kế hoạch
8	Thực hiện các công việc khác được phân công

#### 7/ Ông Hoàng Văn Cường – Thí nghiệm viên

TT	Tên công việc
1	Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo chức danh: thí nghiệm viên
2	Lập hồ sơ kết quả thí nghiệm
3	Kiểm tra và ký kiểm soát các biên bản thí nghiệm
4	Chịu trách nhiệm về chuyên môn trong hoạt động thí nghiệm, bảo trì bảo dưỡng thiết bị/phương tiện đo theo hợp đồng, mẫu gửi tại chỗ, và của khách hàng
5	Lập hồ sơ kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp
6	Phân tích kết quả thí nghiệm và tuyên bố về sự phù hợp hoặc các ý kiến, diễn giải
7	Lập kế hoạch hiệu chuẩn/bảo trì bảo dưỡng thiết bị của đơn vị theo kế hoạch
8	Thực hiện các công việc khác được phân công

#### Ghi chú:

- Trách nhiệm và quyền hạn của người thay thế: Thực hiện và chịu trách nhiệm các công việc theo nội dung công việc của người được thay thế.
- Yêu cầu chung đối với tất cả thành viên trong Phòng:
  - Nghiêm túc thực hiện các nội dung công việc theo đúng phân công nhiệm vụ và nhiệm vụ chung của Phòng;
  - Khi Phụ trách phòng vắng mặt, nếu cần xin ý kiến về nội dung công việc đang thực hiện thì có thể xin ý kiến thông qua email hoặc điện thoại;
  - Khi người chủ trì thực hiện công việc và người thay thế thực hiện công việc đồng thời vắng mặt thì người chủ trì công việc đó phải xin ý kiến của Giám đốc hoặc Phụ trách phòng về nội dung công việc đang thực hiện;
  - Mọi người trong phòng giúp đỡ, phối hợp thực hiện công việc được giao theo khả năng để đẩy nhanh tiến độ công việc.

- c) Yêu cầu chung đối với các đơn vị trong Công ty về lĩnh vực thí nghiệm:
- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của từng công việc cụ thể;
  - Phối hợp đồng bộ trong các công việc liên quan;
  - Khi các đơn vị có yêu cầu về nội dung công việc nào thuộc lĩnh vực thí nghiệm thì liên hệ với các cá nhân theo phân công công việc như trên./.


Đà Lạt, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**Phòng TN Địa chất & VLXD**

**Trưởng phòng.**

***Noinhận:***

- Giám đốc;
- Các đơn vị;
- Lưu: LAS-XD 939



Lê Nguyễn Hưng



CHỨNG CHỈ  
HOÀN THÀNH KHÓA HỌC

CERTIFICATE  
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

Chứng nhận: Ông *Lê Nguyên Huy*

Ngày sinh: 05/07/1975 - Nơi sinh: *Đà Lạt*

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

- Bê tông và vật liệu chế tạo bê tông
- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường

Thời gian từ: 07/09/2015 đến 19/10/2015  
Tại: Viện Khoa Học và Công Nghệ Hàng Không

Tốt nghiệp loại *Khá*

TR. *Hồ Chí Minh*, ngày 19 tháng 10 năm 2015

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
HÀNG KHÔNG  
VIỆN TRƯỞNG

Ts. Nguyễn Văn Lý



CMND số: 250363758

Số hiệu chứng nhận: 19-K26/TNCHK

Số cấp chứng nhận: 01/AviaSTI

Ngày 19 tháng 10 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 06460. Quyển số: 3.12026.SCT/BS

Ngày: 31-03-2026



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Đỗ Xuân Lưỡng*

BỘ XÂY DỰNG  
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ  
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHỨNG NHẬN

Ông (bà): **Lê Nguyễn Hùng**

Sinh ngày: **26-3-1985**

Nơi sinh: **Lâm Đồng**

Đã học xong chương trình: **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng  
quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**

Hệ: **Tập trung**

Từ ngày: **17-12-2012** đến ngày: **21-12-2012**

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm **2012**

Giám đốc



**CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: ..... Quyển số ..... SCT/BS

Ngày: **16.12.2015**.....

Vào sổ ĐK số: **0452-2012**

**GÔNG CHỨNG VIÊN**



**TRẦN PHÚ KHÁNH**

# CHỨNG CHỈ

## BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Cấp cho Ông/ Bà: **LÊ NGUYỄN HÙNG**

Sinh ngày: **26 - 03 - 1985**

Quê quán: **THỪA THIÊN HUẾ**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về:  
**Quản lý Phòng Thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng**

Thời gian tổ chức: **Tháng 10 năm 2010**

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2010



(Chữ ký của người được cấp)

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC**

Số chứng thực: **06459** Quyền số: **3/2010**

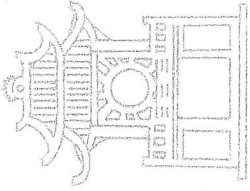
Ngày: **31/03/2010**

**CÔNG CHỨNG VIỆN**

Số: **QĐ 02 - 16/2010/BDNV**



*Đỗ Xuân Trường*



Số hiệu bằng

A2.59624

Số vào sổ

31-10/XD04

Chữ ký của người được cấp bằng

**CƯỜNG THỰC BAN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng chỉ: 06455 Quyển số: 312026SCTBS

Ngày: 21-03-2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



*Đỗ Xuân Thịnh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH cấp

# BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành **XÂY DỰNG**

hạng...Trung bình..... năm tốt nghiệp...2010

và công nhận danh hiệu

*Kỹ sư Xây dựng*

cho **Lê Nguyễn Hưng**

sinh ngày 26/03/1985

Tp. Hồ Chí Minh... ngày 12 tháng 03 năm 2010

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

TS. LƯU TRƯỜNG VẠN

PGS.TS LÊ BẢO LÂM





VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2024/GT1-008/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

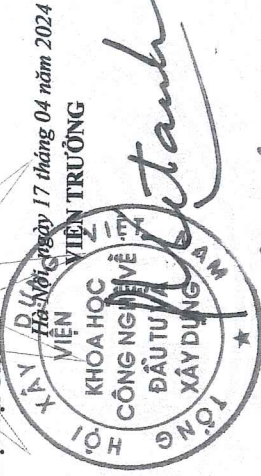
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : LÊ NGUYỄN HÙNG  
Ngày sinh : 26/03/1985  
Quốc tịch : Thừa Thiên Huế  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức  
Thời gian đào tạo: Từ 06/04/2024 đến 13/04/2024  
Kết quả học tập: Đạt loại Giỏi



VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 22615-22 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 16-12-2025



TRẦN PHÚ KHÁNH

AVIATION SCIENCE & TECHNOLOGY INSTITUTE

- AviaSTI -



CMND số: 256041758

Số hiệu chứng nhận: 08-K20/TN/CHK

Vào sổ cấp chứng nhận: 01/AviaSTI

Ngày 24 tháng 6 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI BÀN TRONG PHÒNG VÀ HIỆN TRƯỞNG  
Số chứng thực: 2.26.0.7/ryen 22  
Ngày.....16...12...2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

Chứng nhận: Ông *Le Nguyen Hung*

Ngày sinh: 26/03/1985 - Nơi sinh: Lâm Đồng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

- Bê tông và vật liệu chế tạo bê tông
- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường

SCT/BS Thời gian từ: 15/05/2013 đến 20/06/2013

Tại: Viện Khoa học và Công nghệ hàng không

Tối nghiệp loại: KHẢO NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2013



TRẦN PHÚ KHANH

Trần Phú Khanh

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÊ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2024/ĐTI-005/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÊ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : LÊ NGUYỄN HÙNG

Ngày sinh : 26/03/1985

Quê quán : Thừa Thiên Huế

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm dây dẫn điện và Phương pháp đo điện trở tiếp địa

Do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Từ 05/05/2024 đến 12/05/2024

Kết quả học tập: Đạt loại **Giỏi**



VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2260 Nguyễn Sĩ Quyền S3 ..... SCT/BS

Ngày: 16 -12- 2025

CHỨNG VIÊN



TRẦN PHÚ KHÁNH



PRESIDENT

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

has conferred

cấp

CERTIFICATE

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Upon: LE NGUYEN HUNG

Cho: LÊ NGUYỄN HÙNG

Date of birth: 26/03/1985

Ngày sinh: 26/03/1985

Completed training program:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:

TESTING, INSPECTION OF PAINT, GYPSUM BOARD, WOOD-BASED PANELS AND GEOTEXTILE  
Course duration: from 05/04/2025 to 06/04/2025

THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH SƠN, THẠCH CAO,  
VÁN GỖ VÀ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT  
Thời gian học: từ 05/04/2025 đến 06/04/2025



CHỨNG THỰC BẢN SẠP ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 22810-22 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 16-12-2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

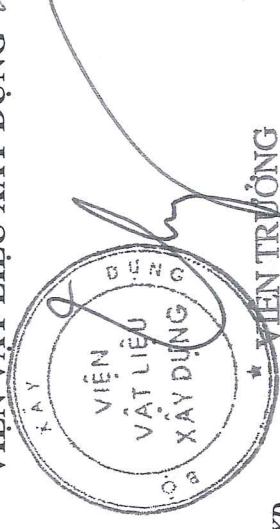


TRẦN PHÚ KHU  
Số hiệu: 357/QĐ.109.2025.VLXD  
Số vào sổ cấp chứng chỉ: 357.2025

Nguyễn Quang Hiệp

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỆ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SCIENCE - TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Ref. N°: 2024/TCI-031/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỆ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

CHỨNG NHẬN

Ông : LÊ NGUYỄN HÙNG

Ngày sinh : 26/03/1985

Quê quán : Thừa Thiên Huế

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của Cọc

Do Viện Khoa học Công nghệ vệ Đầu tư và Xây dựng tổ chức

Thời gian đào tạo: Từ 24/08/2024 đến 31/08/2024

Kết quả học tập: Đạt loại Giỏi

Hết Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



VIỆN TRƯỞNG

TS. Phùng Vũ Việt Anh

CHỨNG THỰC BÀI 2.6 ĐỊNH VỊ 2 AN CHÍNH

Số chứng thực: ..... Quyển số: ..... SCT/BS

Ngày: ..... 16 - 12 - 2025 .....

CHỨNG VIÊN



TRẦN PHÚ KHÁNH

**THÔNG TIN CÁ NHÂN**



Chữ ký của người  
được cấp chứng chỉ

**CHỖ THỰC DẠNG BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 2606-22  
Quyển số: SCT/BS

Mã số 2023.02.04.6 - 12 - 2025



Họ và tên: **HÀ VĂN HÒA**  
Ngày tháng năm sinh: 10/01/1955  
Số CMND/CCCD: 042055007026

Cấp ngày: 28/6/2021 tại: Cục cảnh sát quản lý

hành chính về trật tự xã hội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Mỏ - Địa chất  
Hệ đào tạo: Chính quy  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất công trình

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP  
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất	III	Từ 05/10/2022 đến 05/10/2027

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 10 năm 2022

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Quang Trung**



**VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG



Chứng nhận: Ông **Bùi Văn Phúc**

Ngày sinh: 19/01/1977 - Nơi sinh: **Đà Lạt**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

- Bê tông và vật liệu chế tạo bê tông
- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường

CMND số: 250427829

Số hiệu chứng nhận: 20-K26/TNCHK

Số cấp chứng nhận: 01/AviaSTI

Ngày 19 tháng 10 năm 2015

Thời gian từ: 07/09/2015 đến 19/10/2015

Tại: Viện Khoa Học và Công Nghệ Hàng Không

Tốt nghiệp (ca)



TP. HIỆN CHI MINH, ngày 19 tháng 10 năm 2015

VIỆN TRƯỞNG

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **06457**..... Quyển số: **3** / **2026** SCT/BS

Ngày: **31-03-2026**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

Ts. Nguyễn Văn Lý



*Đỗ Xuân Hồng*

## CHỨNG NHẬN

### BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



Cấp cho Ông(Bà): **Nguyễn Quốc Bảo**

Sinh ngày: 23/09/1986

Quê quán : Lâm Đồng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về :  
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông,  
nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường

Thời gian tổ chức : Tháng 9 năm 2017

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Số: 309 /TNV

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng **06458**.....Quyển số: 5/2026 SGT/BS

Ngày.....31/03/2026

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



★ **Phạm Đức Thuận**



*Đỗ Xuân Hồng*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

PRESIDENT

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

has conferred

CERTIFICATE

Upon: TRAN KHANH LINH

Date of birth: 20/11/1993

Completed training program:

MATERIALS TESTING AND INSPECTION FOR  
TRANSPORTATION PROJECTS

Course duration: from 22/03/2025 to 23/03/2025

Certificate is valid for 05 (five) years from date of issue



Reg.No. 241/QĐ.97.2025.VLXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

cấp

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Cho: TRẦN KHÁNH LINH

Ngày sinh: 20/11/1993

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:

THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Thời gian học: từ 22/03/2025 đến 23/03/2025

Chứng chỉ có giá trị 05 (năm) năm kể từ ngày cấp

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 06456

Quyển số: 3/2026 SGT/BS

Ngày: 31/03/2026

CÔNG CHỨNG VIÊN



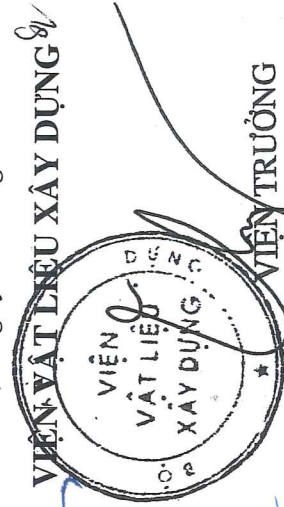
Số hiệu: 241/QĐ.97.2025.VLXD

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 241.2025

Đỗ Xuân Thăng

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hiệp

SCIENCE, TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: 201708088/VKHCN

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 2.2611 huyện 22.....SC/BS  
Ngày: 16-12-2025

Ngày:.....

**CÔNG CHỨNG VIỆN**



**TRẦN PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**  
**VIỆN TRƯỞNG**

**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**  
**TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM**

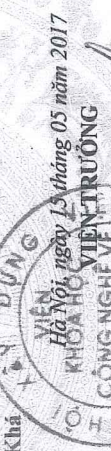
**CHỨNG NHẬN**

Ông : **TRẦN KHÁNH LINH**  
Ngày sinh : 20 - 11 - 1993  
Quê quán : Hải Dương  
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

**Thư nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng**

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 05/05/2017 đến 12/05/2017  
Kết quả học tập: Khá



*Trần Phú Khánh*

**VIỆN TRƯỞNG**

*TS. Phùng Văn Việt Anh*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2.6.12.0101/22...SCT/BS

Ngày: 16-12-2023

CÔNG CHỨNG VIỆN



TRẦN PHÚ KHÁNH

Số hiệu chứng chỉ  
1662207V/KHCN

Số vào sổ: 1662207  
Ngày 22 tháng 06 năm 2016

VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING  
ASSOCIATIONS  
SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION



Chữ ký của người công chứng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM  
CHỨNG NHẬN

Ông: HOÀNG VĂN CƯỜNG

Ngày sinh: 27 - 12 - 1978

Quê quán: Lục Nam - Bắc Giang

Đã tốt nghiệp khoá đào tạo về:

Phương pháp thử các tính chất cơ - lý của

Bitum nhựa và Bê tông nhựa

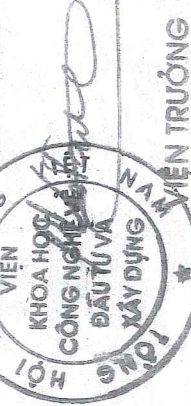
Do Viện Khoa Học Công nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 06 năm 2016

Kết quả học tập: Đạt loại Giỏi

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2016  
CÔNG CHỨNG VIỆN TRƯỞNG



TS. Phùng Vũ Việt Anh

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN  
THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Số: 0110/HĐMB/VK-GLN

- Căn cứ vào bộ luật Dân sự của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 về việc thi hành bộ luật Dân sự
- Căn cứ vào luật Thương mại của nước Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào chức năng, quyền hạn và yêu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày 11 tháng 03 năm 2010, chúng tôi gồm có:

**Bên A (Bên mua): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**

Địa chỉ : Số 2 – Quang Trung – Phường 9 – Tp. Đà Lạt – Lâm Đồng

Điện thoại : 063. 3 810 269 Fax : 063. 3 823 659

Mã số thuế : 5800883547

Đại diện : Ông LÊ NGUYỄN HUY Chức vụ: Giám đốc

**Bên B (Bên bán): CÔNG TY TNHH VINH KHÔI**

Địa chỉ : 97 Nguyễn Trọng Tuyển – Phường 15 – Quận Phú Nhuận – Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 997 5512 – 997 5513 Fax: (08) 997 5514

Tài khoản số : 007.100.0890241 tại Vietcombank Tân Bình chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tên tài khoản : Công ty TNHH Vinh Khôi

Mã số thuế : 0302889402

Đại diện : Ông PHAN ĐÌNH TRUNG Chức vụ: Giám đốc

Hai bên đồng ý ký hợp đồng mua bán với các điều khoản cụ thể như sau:

**Điều 1: HÀNG HÓA VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

Bên bán cung cấp cho Bên mua các loại thiết bị thí nghiệm theo yêu cầu như sau:

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (%)	T.Tiền (VNĐ)
1	<b>+ CÂN BÁN PHẦN TÍCH</b> <b>Model AD500</b> <b>Hãng sản xuất: AXIS – EU (Ba Lan)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng cân: 500 gam</li> <li>- Khả năng đọc: 0.001 gam</li> <li>- Độ tuyến tính: 0.01 gam</li> <li>- Đường kính mặt đĩa cân: Ø115 mm</li> <li>- Độ chính xác: Cấp II</li> <li>- Thời gian ổn định: &lt;8 giây</li> <li>- Kết quả hiển thị bằng màn hình LCD</li> <li>- Giao diện RS232 kết nối máy vi tính hoặc máy in</li> <li>- Điều khiển cân với 5 phím bấm mềm</li> <li>- Hiệu chuẩn ngoại</li> <li>- Chức năng đếm, tính %, ...</li> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn EC No. PL 04 022 và EN ISO 9001:2000 No. 78 100 6386</li> <li>- Cân có thể kết nối thêm màn hình, cân treo, kết nối với bộ HYDRO để xác định tỷ trọng của chất rắn và chất lỏng hoặc các thiết bị khác...</li> <li>- Kích thước cân: 240 x 275 x 90 mm</li> </ul>	1	10.700.000	10	11.770.000

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	SL	Đơn giá (VND)	VAT (%)	T.Tiền (VND)
	- Điện: 230V, 50Hz, 6VA / 12V, 160mA <b>Cung cấp bao gồm:</b> + Cân bán phân tích model AD500 + Lòng kính chắn gió, mặt đĩa cân + Phần mềm lưu kết quả và cấp nổi + Adpater 230V, dây nguồn và hướng dẫn sử dụng				
1.1	<b>Bộ Hydro kit dùng cho cân AD500</b> <b>Hãng sản xuất: AXIS – EU (Ba Lan)</b>	1	3.230.000	10	3.553.000
2	+ <b>Máy nén bê tông 2000kN</b> <b>Model : TYE-2000A</b> Hãng Sx : Wuxi- Trung Quốc -Điện tử, hiển thị số màn hình LCD, có gắn sẵn máy in nội để in kết quả thử. -Dùng để nén bê tông, gạch và các vật liệu xây dựng khác. -Thích hợp dùng cho mẫu bê tông hình khối cạnh đến 150mm và mẫu hình trụ max $\Phi 160 \times 320$ mm -Máy thiết kế với khối trụ vững chắc. -Điều chỉnh khoảng cách nén dễ dàng bằng vô lăng trực ren thẳng đứng. -Khả năng tải cao nhất : 2000kN -Độ chính xác : $\pm 1\%$ -Khoảng đo: 2 thang thử tải + 0...1000kN + 0...2000kN -Khoảng cách hai tấm nén : 320mm -Kích thước tấm nén : 320 x 320mm -Nguồn điện sử dụng : 220/380V, 3pha, 50Hz -Trọng lượng nặng khoảng 720kg Cung cấp kèm theo tấm đệm trên và dưới gắn sẵn theo máy	1	69.397.000	10	76.336.700
3	+ <b>MÁY NÉN CÓ KẾT TAM LIÊN LOẠI TRUNG ÁP</b> <b>Model WG -1B</b> <b>Hãng sản xuất : Nanjing-Trung Quốc</b> -Áp lực nén : 12.5 ... 1600kPa -Diện tích hộp mẫu nén : 30cm <sup>2</sup> hoặc 50cm <sup>2</sup> -Cấp gia tải : 12.5 ... 1600kPa/ 30cm <sup>2</sup> 12.5 ... 800kPa/ 50cm <sup>2</sup> -Tỷ lệ : 1:12 Cung cấp theo nguyên bộ với hộp mẫu nén, bộ quả gia tải, đồng hồ so.	1	16.376.000	10	18.013.600
4	+ <b>MÁY CẮT ĐẤT 02 TỐC ĐỘ</b> <b>Model EDJ-1 (ZJ)</b> <b>Hãng sản xuất : Nanjing-Trung Quốc</b> -Dùng xác định độ kháng cắt của đất. -Vòng lực : 1.2kN -Tốc độ cắt bằng điện : 0,8- 2,4mm/ phút hoặc bằng tay. -Áp lực nén : 50- 100- 200- 300- 400kPa -Diện tích hộp mẫu cắt : 30cm <sup>2</sup> -Nguồn điện : 220V, 50Hz Cung cấp theo nguyên bộ với hộp mẫu nén, giải gia tải, vòng lực 1.2kN	1	12.310.000	10	13.541.000

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	SL	Đơn giá (VND)	VAT (%)	T.Tiền (VND)
5	<b>+TY TRỌNG KÉ DO ĐẤT LOẠI B</b> Hãng sản xuất : <i>Alla- Pháp</i> -Ty trọng kế do đất ASTM 1511I, loại B -Thang đo : 0.995 – 1.038g	1	650.000	10	715.000
6	<b>+BỘ THỬ THẨM NAM KINH:</b>				-
6.1	<b>+HỘP THỬ THẨM ĐẤT</b> Model TST55 Hãng sản xuất : <i>Nanjing- Trung Quốc</i> -Dùng để xác định hệ số thẩm của đất, kích thước mẫu $\Phi$ 61,8 x H40mm. Bao gồm thân bằng thau với lỗ nước vào và nước ra, dao vòng, đá thấm và vòng đệm cao su	3	1.670.000	10	5.511.000
6.2	<b>+BẢNG ĐO THẨM</b> Xuất xứ : <i>Việt Nam</i> -Gồm 3 ống đo thủy tinh, thước đo, van và dây nối	1	1.000.000	10	1.100.000
7	<b>+BỘ ĐAO VÒNG DUNG TÍCH 100cm<sup>2</sup> / <math>\phi</math> 50.4 x H50mm</b>				-
	Dao vòng $\Phi$ 50.4 x H50mm – VN	10	160.000	10	1.760.000
	Đế dao vòng $\Phi$ 50.4 – VN	2	160.000	10	352.000
8	<b>+BỘ ĐAO VÒNG DUNG TÍCH <math>\phi</math>61.8 x H40mm</b>				-
	Dao vòng $\Phi$ 61.8 x H40mm – VN	10	160.000	10	1.760.000
	Đế dao vòng $\Phi$ 61.8 -VN	2	160.000	10	352.000
9	+Bình tỷ trọng đất 100ml- TQ	10	35.000	10	385.000
10	+Hộp nhôm 50x50mm	20	10.000	10	220.000
11	<b>+DỤNG CỤ VAXILIEP</b> Model ZY-1 Hãng sản xuất : <i>Nanjing-Trung Quốc</i> -Xác định giới hạn chảy bằng chùy Vaxiliep -Góc côn 30°, nặng 75g. -Cung cấp bao gồm chân đỡ, cốc mẫu, côn xuyên	1	1.200.000	10	1.320.000
12	<b>+BỘ CÔN THỬ ĐỘ SỤT BÊ TÔNG</b> Xuất xứ : <i>Việt Nam</i> -Xác định tính ổn định của bê tông tươi. <b>Cung cấp nguyên bộ bao gồm:</b> +Côn sụt bằng thép không rỉ, phễu rót bê tông +Tấm đế bằng thép không rỉ +Thước lá thép không rỉ dài 500mm (Đài Loan) +Thanh sụt thép không rỉ $\phi$ 16 x 600mm +Giá súc bằng nhôm đúc 500ml	1	1.500.000	10	1.650.000
13	<b>+BỘ DỤNG CỤ VICAT</b> Model Vicat Hãng sản xuất : <i>Jianyi-Trung Quốc</i> -Dùng xác định thời gian đông kết của xi măng. <b>Cung cấp bao gồm :</b> +Khung bằng kim loại +Thước chia vạch +Thanh trượt 300, Tấm kính thủy tinh, Khuôn mẫu +Bộ kim thử 1mm, 10mm và kim hình nón	1	2.110.000	10	2.321.000
14	<b>+HỘP XI LẠNH THỬ NÉN DẬP <math>\phi</math>75mm/ VN</b> Cung cấp bao gồm: -Thân khuôn đường kính $\phi$ 75mm, tấm đế, piston nén	1	500.000	10	550.000
15	<b>+BỘ CỐI CHÀY TIÊU CHUẨN</b>	1	900.000	10	990.000

Stt	Tên thiết bị – Thông số kỹ thuật Model – Hãng sản xuất	SL	Đơn giá (VND)	VAT (%)	T.Tiền (VND)
	<b>Xuất xứ : Việt Nam</b> <b>Bao gồm:</b> -Cối Proctor tiêu chuẩn đường kính 4" (101.6mm), thể tích 944ml. Gồm: Khuôn + cô khuôn và tấm đế -Chày Proctor tiêu chuẩn đường kính 2" (50.8mm), nặng 2.495kg, chiều cao rơi 12" (304.8mm).				
16	<b>+TỦ SẤY 70 LÍT</b> <b>Model : 101-1</b> Hãng Kettong- Trung Quốc -Núm điều chỉnh nhiệt độ và đồng hồ kim chỉ thị nhiệt độ. -Nhiệt độ làm việc đến 300°C -Dung tích : 70lít (kích thước 450 x 450 x 350mm) -Lòng tủ và vỏ ngoài bằng thép sơn phủ -Nguồn điện 220V/50Hz Cung cấp theo 2 kệ đỡ mẫu bằng thép	1	3.880.000	10	4.268.000
17	<b>+Khuôn vuông (150 x 150 x 150mm) x 3</b> <b>Xuất xứ : Việt Nam</b> -Thép dày , khuôn kép 03 khuôn liền nhau	1	750.000	10	825.000
18	<b>+Bình hút ẩm không vòi đường kính 300mm. TQ</b>	1	500.000	10	550.000
19	<b>+Bình hút chân có vòi đường kính 300mm. TQ</b>	1	810.000	10	891.000
20	<b>+Bộ sàng cát Ø300mm, vật liệu bằng thép tráng kẽm, cỡ lỗ :</b> 10; 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315; 0.14mm + khay hứng và nắp đậy	1	1.760.000	10	1.936.000
21	<b>+Bộ sàng đất Ø300mm, cỡ lỗ :</b> 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.25; 0.1+ khay hứng và nắp đậy	1	1.760.000	10	1.936.000
22	<b>+CÂN BENKELMAN</b> <b>Xuất xứ : Việt Nam</b> <b>Cung cấp nguyên bộ bao gồm:</b> +Tấm ép đường kính $\phi$ 330mm có lỗ giữa và ống đệm $\phi$ 168 x H400mm/ $\phi$ 168 x H130mm +Đồng hồ chuyển vị 10mm/ 0.01mm +Kịch thủy lực 20tấn –Trung Quốc có gắn áp kế, kèm phiếu kiểm định của Khu QLDB 7. +Thanh nối, đầu nối và các phụ kiện tháo ráp. +Dụng cụ kiểm tra độ chính xác của cân	1	9.890.000	10	10.879.000

- Tổng giá trị hợp đồng: **163.485.300 VND** (Một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm đồng)

- Giá trên đã tính các khoản thuế và chi phí như: thuế nhập khẩu, vận chuyển, bảo hành, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí kiểm định Quatest 3 và chi phí giao hàng tại nơi người sử dụng (Đà Lạt)

- Giá trên đã bao gồm thuế trị giá gia tăng (VAT)

- Địa điểm giao hàng : Số 13D – Lữ Gia – Phường 9 – Tp. Đà Lạt – Lâm Đồng

## **Điều 2: QUY CÁCH VÀ CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ**

- Thiết bị do Bên B cung cấp phải được đóng gói theo tiêu chuẩn chuyên dùng của nhà sản xuất và đảm bảo vận chuyển an toàn đến địa chỉ Bên mua

- Thiết bị do bên B cung cấp đảm bảo mới 100%.

**Điều 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG**

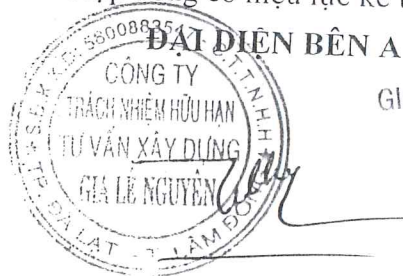
- Bên A thanh toán cho bên B chia làm 02 lần như sau:
  - + Lần 1: Bên A thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng
  - + Lần 2: Bên A thanh toán 70% giá trị Hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng và Hóa đơn VAT của bên B.
- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Đồng Việt Nam .
- Tài khoản số: 8 9 4 3 8 5 9 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi Tp. Hồ Chí Minh.
- Tên tài khoản: Công ty TNHH Vinh Khôi
- Thời gian giao hàng: 04 (bốn) – 06 (sáu) tuần kể từ ngày nhận được thanh toán lần 1 của Bên A

**Điều 4: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

- Bên A:**
- + Thực hiện việc kiểm tra toàn bộ thiết bị do Bên B giao
  - + Kết hợp với Bên B lập biên bản nghiệm thu
  - + Thực hiện đúng yêu cầu hướng dẫn sử dụng của Bên B và nhà sản xuất
  - + Thanh toán đúng thời gian như điều 3
- Bên B:**
- + Cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng
  - + Cung cấp thiết bị đúng thời gian và quy cách như điều 1 và điều 2
  - + Có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng cho Bên A
  - + Bảo hành thiết bị 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu (không bảo hành thủy tinh và các dụng cụ tiêu hao)

**Điều 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này, mọi sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cần phải được hai bên đồng ý và thể hiện bằng văn bản
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên nào tự ý không thực hiện theo đúng quy định của hợp đồng hoặc đơn phương hủy bỏ hợp đồng, mọi tổn phí sẽ do bên đó chịu trách nhiệm bồi thường
- Mọi tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra Tòa An Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh xét xử theo pháp luật của Hợp đồng kinh tế. Quyết định của Tòa án kinh tế sẽ là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp thuận thi hành. Mọi chi phí phát sinh sẽ do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký



GIÁM ĐỐC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 5215

Quyển số 02 TP/CC-SCT/SGT

Ngày 20 tháng 5 năm 20 10

CHỦ TỊCH



*Nguyễn Hoàng*

*Chu*

*Phan Anh Tuấn*

*Võ Hồng Sơn*

**HOA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

DQ/2010N

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 17 tháng 05 năm 2010

**0018666**

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS:

**CTY TNHH VINH KHÔI**

97 Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

**MST: 0302889402**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**

Địa chỉ: **Số 2 - Quang Trung - P.9 - Tp. Đà Lạt - Lâm Đồng**

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

CK

MS:

5800883547

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cần kỹ thuật AD500	cái	01	10.700.000	10.700.000
2	Bộ hydro kit xe diesel tự động	bộ	01	3.230.000	3.230.000
3	Máy nén bê tông -TYE-2000A	cái	01	69.397.000	69.397.000
4	Máy rửa có kết làm hỗn hợp	"	01	16.376.000	16.376.000
	áp - WG-1B (gồm 03 đồng hồ số)	"			
5	Máy cắt đất - EDJ-1 (gồm 02 đồng hồ số)	"	01	12.310.000	12.310.000
6	Cây trồng kê 151H, Alla	"	01	650.000	650.000
7	Hộp thu thảm đất - 75755	"	03	1.670.000	5.010.000
8	Bảng đo thảm	"	01	1.000.000	1.000.000

Cộng tiền hàng:

118.673.000

Thuế suất GTGT: 10 %

Tiền thuế GTGT:

11.867.300

Tổng cộng tiền thanh toán

130.540.300

Số tiền viết bằng chữ: **Một trăm ba mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn ba trăm đồng /**

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Le Nguyen Thy*

*Uhl*

**Lê Nguyễn Thy**

**Võ Thị Thủy Hương**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Chức vụ: Giám đốc đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VINH KHÔI**  
*Phan Đình Cường*

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Đình Cường**

# HOA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

## GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DQ/2010N

Liên 2: Giao khách hàng

0018668

Ngày: 17 tháng 05 năm 2010

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

MS:

**CTY TNHH VINH KHÔI**

97 Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

**MST: 0302889402**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LỄ NGUYỄN

Địa chỉ: Số 2 Quang Trung P.9 - Tp. Đà Lạt Lâm Đồng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

CK MS:

5800883547

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Hộp xi măng thu nước dáp Ø75	cái	01	500.000	500.000
2.	Bộ cái chày tiêu chuẩn	bộ	01	900.000	900.000
3.	Bộ máy 101-1	cái	01	3.880.000	3.880.000
4.	Khuyến tạo nước	"	01	750.000	750.000
5.	Bình hút ẩm Ø300	"	01	500.000	500.000
6.	Bình hút ẩm có vỉ Ø300	"	01	810.000	810.000
7.	Bộ sàng cát Ø300	bộ	01	1.760.000	1.760.000
8.	Bộ sàng đất Ø300	"	01	1.760.000	1.760.000
9.	Cần benkelin an (gồm 02 đồng hồ số)	"	01	9.890.000	9.890.000

Cộng tiền hàng:

20.750.000

Thuế suất GTGT:

10%

Tiền thuế GTGT:

2.075.000

Tổng cộng tiền thanh toán

22.825.000

Số tiền viết bằng chữ:

Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng /

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Nguyễn Huy*

Nguyễn Huy

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Võ Thị Thủy Hằng*

Võ Thị Thủy Hằng

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

Người trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC  
*Đinh Cường*

in tại chi nhánh Công ty in Tài chính

# HOA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

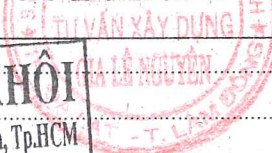
## GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 17 tháng 05 năm 2010

DQ/2010N

0018667



Đơn vị bán hàng: .....

Địa chỉ: .....

Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....

MS:

CTY TNHH VINH KHÔI

97 Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

MST: 0302889402

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN

Địa chỉ: Số 2, Quang Trung, P. 9, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: .....

CK MS: 58 0088 3547

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Dao vàng Ø 50.4 x 50	cái	10	160.000	1.600.000
2.	Đế dao vàng Ø 50.4	"	02	160.000	320.000
3.	Dao vàng Ø 61.8 x 40	"	10	160.000	1.600.000
4.	Đế dao vàng Ø 61.8	"	02	160.000	320.000
5.	Bình ty bery 100ml	"	10	35.000	350.000
6.	Hộp nhôm	"	20	10.000	200.000
7.	Dụng cụ va li xi ep - ZY-1	"	01	1.200.000	1.200.000
8.	Bộ cưa thủ đồ sục bê tông	bộ	01	1.500.000	1.500.000
9.	Thiết bị rửa bê tông xi măng - VIET	cái	01	2.100.000	2.100.000

Cộng tiền hàng: 9.200.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 920.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 10.120.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu một trăm hai mươi ngàn đồng /

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Nguyễn Huy*

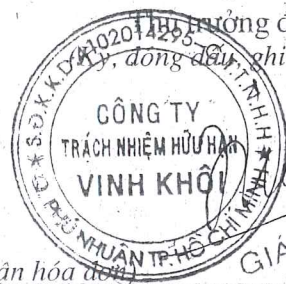
Lê Nguyễn Huy

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Vũ Thị Thủy Hằng*

Vũ Thị Thủy Hằng

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



Người đứng đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Nguyễn Đình Cường*

Nguyễn Đình Cường

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=== o0o ===

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN**

Số: 0315/2015/HĐMB

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại.
- Căn cứ vào nhiệm vụ, khả năng và nhu cầu của hai bên.

*Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2015, tại TP.HCM, chúng tôi gồm:*

**BÊN A: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**

Địa chỉ: Số 2 Quang Trung - P.9 - TP Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng

Tel: 0633.703443 - 0918313011

Fax : 0633.810269

MST: 5800883547

Do Ông: **Lê Nguyên Huy** - Giám đốc - Làm đại diện

**BÊN B: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC ĐẠI PHÁT**

Địa chỉ: 204/10 Đường Nguyễn Oanh - P.17 - Q.Gò Vấp - TP.HCM

Tel: 08.62579358 ; fax: 08.62575455

MST: 0312261550

Số TK: 0126.2248.0001 Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Gò Vấp

Do Bà: **Lê Thị Thanh Nhung** - Giám đốc - làm đại diện

*Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:*

**Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)**

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:



(01 tháng lỗi >2 lần) thì bên B phải đổi máy mới khác cùng hiệu cho bên A.

**Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:**

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng từ 04 đến 05 tuần kể từ ngày đặt hàng (với điều kiện Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng này).

- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: tại TP Đà Lạt - Lâm Đồng

**Điều 5: Phương thức thanh toán:**

+ Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền Đồng Việt Nam (tiền mặt hoặc chuyển khoản)

+ Bên A thanh toán cho bên B 45% giá trị Hợp đồng ngay khi ký hợp đồng với số tiền là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)

+ Bên A thanh toán cho bên B giá trị Hợp đồng còn lại sau 07 ngày kể từ ngày bên B giao đủ hàng hóa được nghiệm thu và hóa đơn giá trị gia tăng.

**Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:**

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu. Không quá 10% giá trị còn thiếu theo hợp đồng.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm. Không quá 10% giá trị còn thiếu theo hợp đồng.

+ Trường hợp quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán cho bên B, bên B có quyền tạm thời thu giữ lại hàng hóa tại trụ sở của bên B chờ đến khi bên A thanh toán đủ, hàng hóa sẽ được giao trả lại cho bên A. Toàn bộ chi phí phát sinh và chi phí vận chuyển hàng hóa từ kho của bên A đến kho của bên B và quay ngược trở lại bên A trong trường hợp này sẽ do bên A chịu. Sau thời hạn 7 ngày kể từ ngày bên B giao hàng, bên A vẫn không thanh toán thì hợp đồng sẽ hết hiệu lực và bên mua không được hoàn trả lại tiền tạm ứng (đặt cọc).

**Điều 7: Các điều khoản chung**

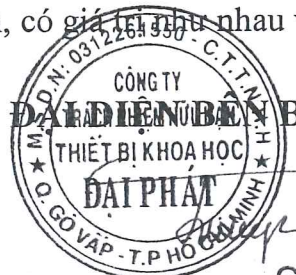
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được hủy Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì cá nhân người đại diện bên này phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên kia về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.HCM giải quyết. Mọi phán xét của Tòa án kinh tế TP.HCM là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Thanh Nhung

Đỗ Xuân Khương



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 01GTKT3/001  
 Ký hiệu (Series): DP/14P  
 Số (No): 0000406

Liên 2: Giao cho người mua (Copy 2: Buyer)  
 Ngày (date) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2015



Đơn vị bán hàng (Company of Seller): **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC ĐẠI PHÁT**  
 Mã số thuế (Tax code): **0312261550**  
 Điện thoại (Tel): ..... Fax: .....  
 Địa chỉ (Address): **32D/1 Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, Quận Gò Vấp, Tp.HCM**  
 Số tài khoản (Bank account No.): **20/10 NGUYỄN VĂN LƯỢNG, PHƯỜNG 12, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM**

Họ tên người mua hàng (Name of Buyer): .....  
 Tên đơn vị (Company of Buyer): **Công Ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Gia Lê Nguyễn**  
 Mã số thuế (Tax code): **58.00.883.547**  
 Địa chỉ (Address): **Số 2 Quang Trung, Phường 9, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**  
 Hình thức thanh toán (Payment method): **C.K** Số tài khoản (Bank account No.): .....

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy Thi Nghiệm Kéo Cầu Thép Van Nặng Hiệu JINYUAN Model WES-1000B	Cái	1	199.000.000	199.000.000
2	Chi phí vận chuyển	lô	1	3.000.000	3.000.000

Cộng tiền hàng (Total selling amount): **202.000.000**  
 Thuế suất GTGT (VAT rate): **10 %** Tiền thuế GTGT (VAT amount): **20.200.000**  
 Tổng giá trị thanh toán (Total payment): **222.200.000**  
 Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng**

Người mua hàng (Buyer)  
 (Ký, ghi rõ họ tên)  
 (Signature & full name)

Người bán hàng (Seller)  
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
 (Signature, stamp & full name)



GIÁM ĐỐC  
**Đỗ Thị Chanh Nhung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: 2155/PM-TA/HĐKT/2019

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp nhu cầu của bên bán,

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại Công ty TNHH thiết bị kỹ thuật và sản xuất Trung Anh. Chúng tôi gồm có:

**I/ BÊN MUA: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN ( gọi tắt là bên A )**

Địa chỉ :

Điện thoại: 063 3 703 443 Fax: 063 3 810 269

Mã số thuế: 58 00 88 3547

Tài khoản số: 5400 201 004 898 Tại ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn tỉnh Lâm Đồng

Đại diện bởi: Ông **LÊ NGUYỄN HUY** Chức vụ: Giám đốc

**II/ BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH (gọi tắt là bên B)**

Địa chỉ: Lô CL04-2 khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0107506448

Điện thoại: 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 Ngân hàng Á Châu - Phòng giao dịch Hà Đông, chi nhánh Hà Nội.

Đại diện bởi: Ông

Chức vụ: Giám đốc

*Hai bên cùng nhau tiến hành ký kết hợp đồng Kinh tế với các điều khoản sau:*

**Điều 1. Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.**

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A thiết bị thí nghiệm sau:



STT	TÊN THIẾT BỊ VẬT TƯ	XX	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	<b>Máy nén CBR- Marshall</b> Xuất xứ: Trung Quốc Hoạt động cơ Máy nén, Model LD127-II Tốc độ nén 1,27mm/p và 50mm/p Cung cấp bao gồm: - Máy chính - Cung lực 30kN, Gá ép hai nửa, gá đồng hồ so - Dầu xuyên D50mm, Phụ kiện đồng bộ kèm theo	TQ	Bộ	1	26,000,000	26,000,000
2	<b>Máy ly tâm nhựa TQ</b> Model DLC-3 Trọng lượng mẫu: 3 kg Điện áp nguồn: 220V/50Hz.	TQ	ch	1	16,500,000	16,500,000
3	Bể ổn nhiệt marshall - Hiện thị điện tử	VN	Cái	1	6,000,000	6,000,000
4	Bộ đàm mẫu marshall bằng tay Bao gồm: Chày đàm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đàm; Đế gỗ; 4 bulong dài; Tấm đế; cổ khuôn+thân khuôn+đế khuôn marshall.	VN	Bộ	1	4,000,000	4,000,000
5	Thân khuôn marshall	VN	ch	4	250,000	1,000,000
6	Gá nén vữa xi măng 40x40x160mm	TQ	Cái	1	1,500,000	1,500,000
7	Khuôn xi măng 40x40x160mm	N	Cái	3	350,000	1,050,000
8	Khuôn 70.7 x70.7mm bằng thép	VN	Cái	1	400,000	400,000
9	Rọ cân thủy tĩnh	VN	Cái	1	300,000	300,000
10	Kích đo E 32 tấn	TQ	Cái	1	1,500,000	1,500,000
11	<b>Thiết bị kim lún nhựa</b> Đồng hồ chỉ thị 50mm, sai số 0,01 mm; phụ kiện đi kèm	VN	Bộ	1	6,000,000	6,000,000
12	Mũi khoan d100	TQ	ch	1	600,000	600,000
13	Mũi khoan d76	TQ	ch	1	450,000	450,000
14	Phí gửi hàng		Lần	1	1,500,000	1,500,000

1506  
CÔNG  
TNI  
ẾT BỊ, K  
VÀ SÀI  
TRUNG  
ĐÔNG

	<b>Tổng tiền chưa bao gồm thuế VAT</b>	<b>66,800,000</b>
	<b>Thuế VAT 10%</b>	<b>6,680,000</b>
	<b>Tổng tiền đã bao gồm thuế VAT</b>	<b>73,480,000</b>

*Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng./*

## **Điều 2. Chất lượng, xuất xứ, bảo hành**

2.1. Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, đúng quy cách và bảo đảm các thông số kỹ thuật như đã nêu trên.

2.2. Xuất xứ: đúng theo mô tả chi tiết.

2.3. Bảo hành: Thiết bị được bảo hành trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao đối với những hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất (Hàng hóa, vật tư tiêu hao không nằm trong danh mục bảo hành).

+ Không bảo hành thiết bị trong trường hợp xảy ra cháy nổ điện, lũ lụt, thiên tai.

+ Địa điểm bảo hành: tại Hà Nội

## **Điều 3. Thời gian, địa điểm giao hàng, hướng dẫn sử dụng thiết bị.**

3.1 Thời gian giao hàng: trong vòng 2-4 ngày kể từ ngày bên B nhận được tiền thanh toán theo Điều 4 của hợp đồng này.

3.2 Địa điểm giao hàng: Tại kho bên B ở Hà Nội. Sau đó bên B sẽ hỗ trợ gửi hàng vào Đà Lạt giúp bên A

## **Điều 4. Phương thức và thời gian thanh toán.**

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4.2 Thời gian thanh toán: Chia làm 2 lần

+ Lần 1: Bên A thanh toán cho bên B **50% tổng tiền hàng** ngay sau khi ký hợp đồng.

+ Lần 2: Bên A thanh toán **50% số tiền còn lại** của hợp đồng ngay sau khi bên A nghiệm thu và bàn giao các thiết bị.

## **Điều 5. Trách nhiệm của các bên**

5.1 Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo Điều 4 của hợp đồng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

## **Điều 6. Cam kết chung**

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

02.002  
HÔNG  
CHỨNG  
LẬT  
AT-T.

48-C,  
TY  
H  
THUẢ  
XUẤT  
ANH  
T.P HÀ N

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng này tự động thanh lý và hết hiệu lực khi bên B nhận đủ 100% tổng giá trị thanh toán.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



Đ. Nguyễn Huy



GIÁM ĐỐC  
Cao Thị Lan Anh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 06461 Quyển số: 3/2026-SCT/BS

Ngày: 31-03-2026

CÔNG CHỨNG VIÊN



Đỗ Xuân Hằng





# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 08 tháng 01 năm 2020

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: TA/19E

Số: 0000759

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

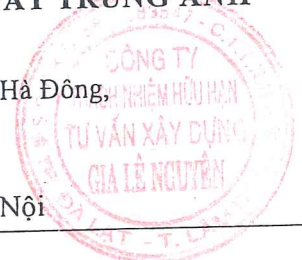
Mã số thuế: 0107506448

Địa chỉ: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3863 0666

Fax: 024 3863 0666

Số tài khoản: 00100001670802 tại Ngân hàng GPBank - PGD Long Biên - Hà Nội



Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**

Số tài khoản:

Địa chỉ: Số 02, Quang Trung - Phường 9 - Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng.

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã số thuế: 5800883547

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy nén thí nghiệm CBR/Marshall( kết hợp dùng 2 chế độ ),điện áp 220V/50 HZ, Model: CBR	Cái	1,00	26.000.000,00	26.000.000
2	Máy chiết nhựa ly tâm, Model: DLC-3 - Trung Quốc	Cái	1,00	16.500.000,00	16.500.000
3	Bể ổn nhiệt Marshall 32 lít	Cái	1,00	6.000.000,00	6.000.000
4	Bộ chày đầm Marshall bằng tay - VN	Bộ	1,00	4.000.000,00	4.000.000
5	Thân khuôn marshall	Cái	4,00	250.000,00	1.000.000
6	Gá nén mẫu xi măng 40x40mm-TQ	Bộ	1,00	1.500.000,00	1.500.000
7	Khuôn đúc mẫu vữa, KT 40x40x160, bằng thép (TA01)	Cái	3,00	350.000,00	1.050.000
8	Khuôn đúc mẫu bê tông bằng thép 70.7x70.7x70.7mm kép 3	Cái	1,00	400.000,00	400.000
9	Rọ cân thủy tĩnh	Cái	1,00	300.000,00	300.000
10	Kịch 32 tấn	Cái	1,00	1.500.000,00	1.500.000
11	Thiết bị kim lún nhựa-VN	Cái	1,00	6.000.000,00	6.000.000
12	Mũi khoan rút lõi phi 108	Cái	1,00	600.000,00	600.000
13	Mũi khoan rút lõi bê tông phi 76	Cái	1,00	450.000,00	450.000
14	Vận chuyển	Lần	1,00	1.500.000,00	1.500.000





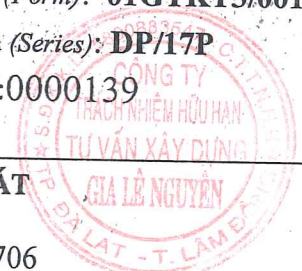
**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**(VAT INVOICE)**

Mẫu số (Form): 01GTKT3/001

Ký hiệu (Series): DP/17P

Liên 2: Giao cho người mua (Copy 2: Customer)  
Ngày (date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2018

Số (No): 0000139



Đơn vị bán hàng (Company of Seller): **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC ĐẠI PHÁT**  
Mã số thuế (Tax code): 0312261550  
Điện thoại (Tel): 08.62869777 - Fax: 08.62575455 - Mobile: 0916888706  
Địa chỉ (Address): F21, Khu Nhà ở Thới An, Đường Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12, TP HCM  
Email (Email): daphacorp@gmail.com - Website: www.thietbikiemdinhv.vn.com  
Số tài khoản (Bank account No.): 6320 201 018 854 Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Tây sài gòn - TP HCM

Họ tên người mua hàng (Name of Buyer):  
Tên đơn vị (Company of Buyer): Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Gia Lê Nguyễn  
Mã số thuế (Tax code): 5800 883 547  
Địa chỉ (Address): số 02, Quang Trung, Phường 9, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng  
Hình thức thanh toán (Payment method): CK Số tài khoản (Bank account No.):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy xé dính thơm bê tông	Chiếc	1	22.500.000	22.500.000
2	Bộ giá màu thơm	bộ	6	950.000	5.700.000

Cộng tiền hàng (Total selling amount): 28.200.000

Thuế suất GTGT (VAT rate): 10 % Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.820.000

Tổng giá trị thanh toán (Total payment): 31.020.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba mươi mốt triệu không trăm lẻ hai nghìn

Người mua hàng (Buyer)  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature & full name)

Người bán hàng (Seller)  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  
(Signature, stamp & full name)



GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Thanh Nhung

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn (Check when writing, delivering and getting invoice)

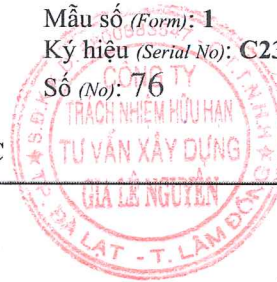
In tại (Printed at) Công ty TNHH Pan Form - Tel: 08.6276 7145 - Mã số thuế (Tax Code): 0311459131



# HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Mẫu số (Form): 1  
Ký hiệu (Serial No): C23TAA  
Số (No): 76

Ngày (Date) 20 tháng (month) 03 năm (year) 2023  
MÃ QCT CẤP: 00755E98D74474449D8B63E2FDEFED9E1C



Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM**  
Mã số thuế (Tax code): **0108654054**  
Địa chỉ (Address): **Số nhà 6, ngõ 109/7, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**  
Số tài khoản (Account No): **4501.000.6352.666** Tại: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông**  
Điện thoại (Tel): **0965.230.666**

Họ tên người mua hàng (Customer Name):  
Tên đơn vị (Company's): **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Mã số thuế (Tax code): **5800883547**  
Địa chỉ (Address): **Số 02, Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**  
Số tài khoản (Account No): **Tại:**  
Hình thức thanh toán (Payment Method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Số điện thoại (Tel):  
Đồng tiền thanh toán (Payment currency): **VND**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Total amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT rate %)
1	Gông từ AC kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	10%
2	Bình xịt dầu vệ sinh SM-15 (dùng cho gông từ)	Bình	1	250.000	250.000	10%
3	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	Chiếc	20	70.000	1.400.000	10%
4	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	Chiếc	3	120.000	360.000	10%
5	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng thép, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải	Bộ	1	1.400.000	1.400.000	10%

Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total amount without VAT):	16.410.000
Tổng thuế (Total tax) 0%:	
Tổng thuế (Total tax) 5%:	
Tổng thuế (Total tax) 8%:	
Tổng thuế (Total tax) 10%:	1.641.000
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng (Total value added tax):	1.641.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	18.051.000
Số tiền viết bằng chữ (In words):	Mười tám triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng ./.

Người mua hàng (Buyer)  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

Người bán hàng (Seller)  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature and full name)

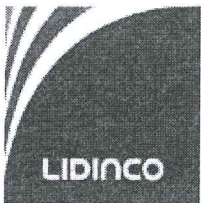
Signature valid  
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH  
THIẾT BỊ VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT  
NAM  
Ngày ký: 20-03-2023

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Chuỗi xác thực (Digest Value): OCwSK4KwUZII7CCfUeZ+zIZZr1xk+iii4EkyDEXrFu4=

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi: Công ty cổ phần công nghệ thẻ Nacencomm. Mã số thuế: 0103930279.  
Tra cứu hóa đơn tại địa chỉ trang web: <https://hoadon78.nacencomm.vn>



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CUỘC SỐNG**Mã số thuế (Tax code): **0309944853**

Địa chỉ (Address): 487 Cộng Hòa, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 3977 8269 / 3601 6797 Fax: 028 3977 8019

Số tài khoản (Bank A/c): 100714851017201 tại Ngân hàng Eximbank - CN Hòa Bình, TP. HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT Invoice)**

Ký hiệu (Sign): 1C25TLI

Số (No): **00000713**

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã CQT: 00B7F01541B89F4047BB8197ED031A5498

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN

Mã số thuế (Tax code): 5800883547

Địa chỉ (Address): Số 28 Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đồng hồ đo điện trở đất Kyoritsu KEW 4105A	Cái	1,00	5.700.000,00	5.700.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					<b>5.700.000</b>
Thuế suất GTGT (VAT rate):		<b>10 %</b>	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		<b>570.000</b>
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					<b>6.270.000</b>
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):			<b>Sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.</b>		

**10**

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CUỘC SỐNG

Ký ngày: 02/06/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): ALHES06KR0\_6

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



MATERIAL TESTING SOLUTIONS

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 06 năm 2024

Mã CQT: 004B39DAAA2ED64C97A9E0D745300EE589

Ký hiệu: 1C24TCU

Số: 00000304



## CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT HÙNG THỊNH

Mã số thuế: 0306125655

Địa chỉ: 149 Đường 5C, Khu Dân Cư Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tài khoản: 0501000013436 - Ngân Hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN

Mã số thuế: 5800883547

Địa chỉ: Số 28 Quang Trung, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy thí nghiệm mài mòn đá Los Angeles - VN	Cái	1,00	15.000.000,00	15.000.000
Cộng tiền hàng:					15.000.000
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:					1.200.000
Tổng tiền thanh toán:					16.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng.					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ

KHOA HỌC KỸ THUẬT HÙNG

THỊNH

Ký ngày: 25/06/2024

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 8CD5G2BWJBM

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TPA

Số: 2205

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN

Mã số thuế: 5800883547

Địa chỉ: Số 28 Quang Trung, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Bộ dụng cụ thí nghiệm Bentonite, model: ANY-1	Bộ	1	2.500.000	2.500.000	8%	200.000	2.700.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					2.500.000		200.000	2.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								2.700.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%: 2.500.000

Tổng tiền chịu thuế 10%:

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%: 200.000

Tổng tiền thuế GTGT 10%:

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Ký ngày 11/12/2025

Mã của cơ quan thuế: 004C1137262256457491751363DC7A82CA

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106  
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: 6SY14LUXXVGPV4J





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**

**BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 94/HCL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN/  
COMPRESS TESTING MACHINES**
2. Kiểu/ Type : TYE – 2000A
3. Số hiệu/ Serial No : 14
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : 2009
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :  
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 2000) kN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS -XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 109 : 2002
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.33	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes :  Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03156
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Deputy Head of Metrology Department)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Huỳnh Quốc Vương**

**Trương Văn Thuận**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device (kN)	Sai số tương đối/ Relative error (%)
200,0	198,42	0,79
400,0	398,91	0,27
600,0	595,71	0,72
800,0	797,99	0,25
1000,0	995,86	0,42
1200,0	1193,02	0,58
1400,0	1394,34	0,41
1600,0	1595,15	0,30
1800,0	1785,20	0,83

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 0,60 \%$  giá trị đọc/ Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 0,60 \%$  reading value

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 95/HCL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **MÁY THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN/  
TENSILE-COMPRESS TESTING MACHINES**
2. Kiểu/ Type : WES - 1000B
3. Số hiệu/ Serial No : 150202
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : 2015
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :  
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 1000) kN  
- Độ phân giải/ Resolution : 0,01 kN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS -XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 109 : 2002
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

<b>Mã số/ ID</b>	<b>Thiết bị/ Equipment</b>	<b>Liên kết chuẩn/ Traceability</b>
TB.33	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes :  Không/ No :

14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025

15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03157

16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Deputy Head of Metrology Department)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Huỳnh Quốc Vương**

**Trương Văn Thuyền**



- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ <i>Reading on tester</i> (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ <i>Average reading on cal. device</i> (kN)	Sai số tương đối/ <i>Relative error</i> (%)
100,00	99,88	0,12
200,00	200,25	-0,12
300,00	300,17	-0,06
400,00	399,56	0,11
500,00	499,71	0,06
600,00	601,24	-0,21
700,00	700,96	-0,14
800,00	801,20	-0,15
900,00	901,67	-0,18

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 0,51$  % giá trị đọc/ *Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 0,51$  % reading value*

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ *This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.*

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ *This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 87/HCAS/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

- |   |  |  |
|---|--|--|
| 1. Tên phương tiện đo/ <i>Object</i>                          | : ÁP KẾ (MÁY THỬ ĐỘ THẨM NƯỚC BÊ TÔNG)   |  |
| 2. Kiểu/ <i>Type</i>  | : Lò xo  |  |
| 3. Số hiệu/ <i>Serial No</i>                                  | : N0831  |  |
| 4. Số nhận dạng/ <i>Identified No</i>                         | : Không rõ/ <i>Unidentified</i>  |  |
| 5. Nơi sản xuất/ <i>Manufacture</i>                           | : Trung Quốc/ <i>China</i>   |  |
| 6. Năm sản xuất / <i>Year</i>                                 | : Không rõ/ <i>Unidentified</i>  |  |
| 7. Đặc trưng kỹ thuật/ <i>Specification</i>                   | :  |  |
| - Phạm vi đo/ <i>Range</i>                                    | : (0 ÷ 4) MPa  |  |
| - Giá trị vạch chia/ <i>Division</i>                          | : 0,05 MPa   |  |
| 8. Cơ sở sử dụng/ <i>Customer</i> :                           | <b>CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN</b><br>Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                      |  |
| 9. Nơi hiệu chuẩn/ <i>Place of Calibration</i> :              | <b>PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT &amp; VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS – XD 35.004</b><br>Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
| 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ <i>Method of calibration</i>      | : ĐLVN 76:2001   |  |
| 11. Điều kiện môi trường/ <i>Environmental Conditions</i>     | : (23±3) <sup>o</sup> C ; (60±10)%RH   |  |
| 12. Chuẩn sử dụng/ <i>Standards used</i> :                    |  |  |
| <b>Mã số/ ID</b>  | <b>Thiết bị/ Equipment</b>   | <b>Liên kết chuẩn/ Traceability</b>                    |
| TB.09   | Áp kế chuẩn/ <i>Standard Pressure Gage (DPII04)</i>  | VMI  |
| 13. Hiệu chỉnh phương tiện đo / <i>Adjustment</i>             | : Có/ <i>Yes</i> : <input type="checkbox"/>  | Không/ <i>No</i> : <input checked="" type="checkbox"/> |
| 14. Ngày hiệu chuẩn/ <i>Date of calibration</i>               | : 23/07/2025   |  |
| 15. Tem hiệu chuẩn/ <i>Calibration label</i>                  | : 03161  |  |
| 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ <i>Recalibration recommended</i> | : 31/07/2026   |  |

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**Phạm Hải Đăng**



**Nguyễn Quang Huy Hùng**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

**17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION RESULTS**


Giá trị chuẩn Standard value MPa	Giá trị chỉ thị Indication value MPa		Độ không đảm bảo đo Uncertainty MPa
	Ptăng Rising MPa	Pgiảm Falling MPa	
0,000	0,00	0,00	0,07
1,000	1,00	1,00	0,07
2,000	2,00	2,00	0,07
3,001	3,00	3,00	0,07
4,000	4,00	4,00	0,07

**Ghi chú/ Notes:**

- Cấp chính xác/ Class: 1,0
- Sai số cho phép trên toàn thang/ Permissible Errors of full scale:  $\pm 0,04$  Mpa
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor  $= 2$ , which for a normal distribution corresponds to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 96/HCL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT/  
HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE**
2. Kiểu/ *Type* : MH-20
3. Số hiệu/ *Serial No* : Không rõ/ *Unidentified*
4. Số nhận dạng/ *Identified No* : Không rõ/ *Unidentified*
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : Nhật/ *Japan*
6. Năm sản xuất/ *Year* : Không rõ/ *Unidentified*
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
  - Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 200) kN
  - Đồng hồ đo áp suất/ *Pressure gauge* :
    - + Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 500) kg/cm<sup>2</sup>
    - + Giá trị vạch chia/ *Division* : 10 kg/cm<sup>2</sup>
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS -XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : ĐLVN 108 : 2002
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

<b>Mã số/ ID</b>	<b>Thiết bị/ Equipment</b>	<b>Liên kết chuẩn/ Traceability</b>
TB.32	Load Cell	VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*:  Không/ *No*:
14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 03158
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : **31/07/2026**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Deputy Head of Metrology Department)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Huỳnh Quốc Vương**



**Trương Văn Thuyền**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (kg/cm <sup>2</sup> )	Giá trị tính toán/ Calculated value (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal.device (kN)	Độ lệch nội suy tương đối/ Relative interpolation error (%)
50	13,982	13,880	-0,73
100	26,892	27,077	0,69
150	39,802	40,027	0,57
200	52,712	53,237	1,00
250	65,622	66,168	0,83
300	78,532	79,158	0,80
350	91,442	92,142	0,77
400	104,352	103,942	-0,39
450	117,262	115,987	-1,09

\* Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation :

$$y = 0,2582x + 1,072$$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 0,63$  % giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 0,63$  % calculated value

y: Giá trị tính toán/ Calculated value, kN

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value, kg/cm<sup>2</sup>

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental-protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 97/HCL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **VÒNG LỰC/ LOAD RING**
2. Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
3. Số hiệu/ Serial No : 02230112
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :  
- Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 30) kN
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS -XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

**Mã số/ ID**

TB.31

**Thiết bị/ Equipment**

Load Cell

**Liên kết chuẩn/ Traceability**

VMI

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes :  Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03159
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Deputy Head of Metrology Department)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

  
**Huỳnh Quốc Vương**

  
**Trương Văn Thuyền**



- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reprinted except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading on tester (mm)	Giá trị tính toán/ Calculated value (kN)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn/ Average reading on cal. device (kN)	Độ lệch nội suy tương đối/ Relative interpolation error (%)
0,25	2,647	2,643	-0,15
0,50	5,272	5,300	0,53
0,75	7,897	7,917	0,26
1,00	10,522	10,471	-0,48
1,25	13,146	13,160	0,11
1,50	15,771	15,786	0,10
1,75	18,396	18,462	0,36
2,00	21,021	20,953	-0,32

\* Phương trình hiệu chuẩn/ The calibration equation :

$$y = 10,499x + 0,0226$$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 1,12\%$  giá trị tính toán/ Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 1,12\%$  calculated value

y: Giá trị tính toán / Calculated value, kN

x: Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value, mm

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 221/HCKL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **CÂN ĐIỆN TỬ/ ELECTRONIC BALANCE**
2. Kiểu/ Type : R21PE30
3. Số hiệu/Serial No : 8339140154
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Mỹ/ USA
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
  - Mức cân lớn nhất/ Max. capacity : 30 000 g
  - Mức cân nhỏ nhất/ Min. capacity : 50 g
  - Giá trị độ chia/ Division : 1 g
  - Cấp chính xác/ Accuracy class : II
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.01
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (23 ± 5)<sup>o</sup>C; (60 ± 10) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.14	Bộ quả chuẩn - Cấp chính xác F1/ Set of weights - Accuracy class F1	SMEQ

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes :  Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 02187
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Phạm Hải Đăng**



**Trương Văn Thuyền**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Mức cân/ Load (g)	Sai lệch/ Difference (g)	Số hiệu chỉnh/ Correction (g)	Độ không đảm bảo đo mở rộng/ Expanded Uncertainty of measurement (g)
0	0	0	1
2 000	0	0	1
5 000	0	0	1
10 000	0	0	1
15 000	0	0	1
17 000	0	0	1
20 000	0	0	1
25 000	0	0	1
30 000	0	0	1

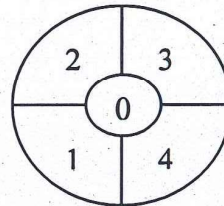
Độ lặp lại/ Repeatability :

Tải/ Load : P = 15 000 g                      s = 0 g ;                      P = 30 000 g                      s = 0 g

S : Độ lệch chuẩn/ Standard deviation

Sai lệch đặt tải lệch tâm/ Eccentricity error :

Tải/ Load : 10 000 g



Vị trí đặt tải/ Load position	1	2	3	4
Sai lệch/ Error (g)	0	0	0	0

**Ghi chú/ Note :**

- U : Độ không đảm bảo đo mở rộng với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%/ U: Expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95% confidence level.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 222/HCKL/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **CÂN ĐIỆN TỬ/ ELECTRONIC BALANCE**
2. Kiểu/ Type : ALC - 30A
3. Số hiệu/Serial No : 58821100779
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Nhật/ Japan
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
  - Mức cân lớn nhất/ Max. capacity : 30 000 g
  - Mức cân nhỏ nhất/ Min. capacity : 50 g
  - Giá trị độ chia/ Division : 1 g
  - Cấp chính xác/ Accuracy class : II
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.01
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (23 ± 5)<sup>o</sup>C; (60 ± 10) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.14	Bộ quả chuẩn - Cấp chính xác F1/ Set of weights - Accuracy class F1	SMEQ

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes :  Không/ No :
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 02188
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **31/07/2026**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)



**Trương Văn Thuyền**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Mức cân/ Load (g)	Sai lệch/ Difference (g)	Số hiệu chỉnh/ Correction (g)	Độ không đảm bảo đo mở rộng/ Expanded Uncertainty of measurement (g)
0	0	0	1
2 000	0	0	1
5 000	0	0	1
10 000	0	0	1
15 000	0	0	1
17 000	0	0	1
20 000	0	0	1
25 000	0	0	1
30 000	-1	+1	1

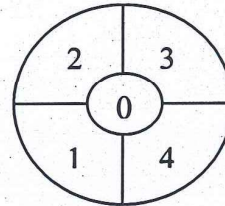
Độ lặp lại/ Repeatability :

Tải/ Load : P = 15 000 g                      s = 0 g ;                      P = 30 000 g                      s = 0 g

S : Độ lệch chuẩn/ Standard deviation

Sai lệch đặt tải lệch tâm/ Eccentricity error :

Tải/ Load : 10 000 g



Vị trí đặt tải/ Load position	1	2	3	4
Sai lệch/ Error (g)	0	0	0	0

**Ghi chú/ Note :**

- U : Độ không đảm bảo đo mở rộng với hệ số phủ  $k = 2$ , mức tin cậy 95%/ U: Expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95% confidence level.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 760/HCN/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **BỂ ĐIỀU NHIỆT/ WATER BATH**
2. Kiểu/ Type : **DHC-57**
3. Số hiệu/ Serial No : **190921**
4. Số nhận dạng/ Identified No : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : **Việt Nam/ Viet Nam**
6. Năm sản xuất/ Year : **2019**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
  - Phạm vi đo nhiệt độ/ Temperature Range : **(0 ÷ 100) °C**
  - Độ phân giải/ Resolution : **1 °C**
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS -XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : **QTHC.03**
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : **(27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :
 

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes:  Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : **23/07/2025**
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : **03160**
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **31/07/2026**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Deputy Head of Metrology Department)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Huỳnh Quốc Vương**

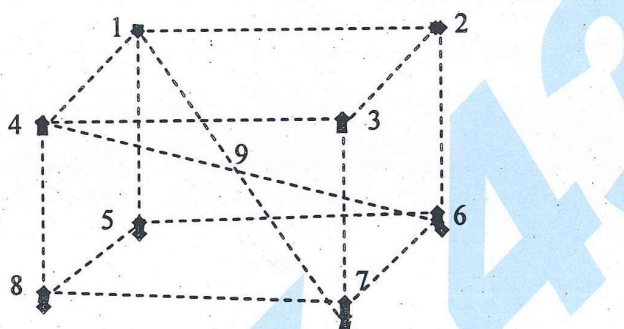
**Trương Văn Thuyền**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

Nhiệt độ đặt/ Set temperature °C	Giá trị chỉ thị/ Average Indication Value °C	Giá trị chuẩn/ Reference Value °C	Độ ổn định/ Stability °C	Độ đồng đều/ Uniformity °C	Số hiệu chỉnh(Δt)/ Correction °C	Độ KĐBB (U)/ Uncertainty °C
60	60	59,3	± 0,2	± 0,3	- 0,7	1,1

Hình vẽ minh họa/ Illustration Figure

**Ghi chú/ Notes:**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy / The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty or measurement multiplied by the coverage factor = 2, which for a normal distribution to a coverage probability of approximately 95%.

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection; inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 111/HCĐD/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
2. Kiểu/ *Type* : **Cơ**
3. Số hiệu/ *Serial No* : **192097**
4. Số nhận dạng/ *Identified No* : **Không rõ/ Unidentified**
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : **Trung Quốc/ China**
6. Năm sản xuất/ *Year* : **Không rõ/ Unidentified**
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
  - Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
  - Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN**  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : **ĐLVN 75:2001**
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : **(20 ± 2)<sup>0</sup>C; (50 ± 15) %RH**
12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

Mã số/ <i>ID</i>	Thiết bị/ <i>Equipment</i>	Liên kết chuẩn/ <i>Traceability</i>
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ <i>Gage tester</i>	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*:  Không/ *No*:

14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 23/07/2025

15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 02183

16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : **31/07/2026**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**

(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Deputy Director)



**Trương Văn Thuỳn**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 $\mu\text{m}$
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	2 $\mu\text{m}$
- 1/2 vòng/ circle	-3 $\mu\text{m}$
- 1 vòng/ circle	-2 $\mu\text{m}$
- 1/5 vòng/ circle	-2 $\mu\text{m}$
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 $\mu\text{m}$
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 $\mu\text{m}$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 5,9 \mu\text{m}$ .

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 112/HCĐD/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : ĐỒNG HỒ SO/ *DIAL INDICATOR*
2. Kiểu/ *Type* : Cơ
3. Số hiệu/ *Serial No* : 5617
4. Số nhận dạng/ *Identified No* : Không rõ/ *Unidentified*
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : Trung Quốc/ *China*
6. Năm sản xuất/ *Year* : Không rõ/ *Unidentified*
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
  - Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
  - Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

Mã số/ <i>ID</i>	Thiết bị/ <i>Equipment</i>	Liên kết chuẩn/ <i>Traceability</i>
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ <i>Gage tester</i>	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*:  Không/ *No*:
14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 02184
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Phạm Hải Đăng**



**Trương Văn Thuỳên**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KD-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 $\mu\text{m}$
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-4 $\mu\text{m}$
- 1/2 vòng/ circle	-5 $\mu\text{m}$
- 1 vòng/ circle	-4 $\mu\text{m}$
- 1/5 vòng/ circle	-5 $\mu\text{m}$
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 $\mu\text{m}$
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 $\mu\text{m}$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 5,9 \mu\text{m}$ .

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)  
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017**

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 113/HCĐD/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ *Object* : ĐỒNG HỒ SO/ *DIAL INDICATOR*
2. Kiểu/ *Type* : Cơ
3. Số hiệu/ *Serial No* : 5924
4. Số nhận dạng/ *Identified No* : Không rõ/ *Unidentified*
5. Nơi sản xuất/ *Manufacture* : Trung Quốc/ *China*
6. Năm sản xuất/ *Year* : Không rõ/ *Unidentified*
7. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
  - Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
  - Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ *Customer* : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

Mã số/ <i>ID</i>	Thiết bị/ <i>Equipment</i>	Liên kết chuẩn/ <i>Traceability</i>
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ <i>Gage tester</i>	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes*:  Không/ *No*:

14. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 23/07/2025

15. Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 02185

16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Phạm Hải Đăng**



**Trương Văn Thuận**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	4 $\mu\text{m}$
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 $\mu\text{m}$
- 1/2 vòng/ circle	-5 $\mu\text{m}$
- 1 vòng/ circle	-4 $\mu\text{m}$
- 1/5 vòng/ circle	-3 $\mu\text{m}$
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 $\mu\text{m}$
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 $\mu\text{m}$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 5,9 \mu\text{m}$ .

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
BÌNH THUẬN (ĐK 435)

BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY  
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận  
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N<sup>o</sup>: 114/HCĐD/25

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
**CALIBRATION CERTIFICATE**

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR
2. Kiểu/ Type : Cơ
3. Số hiệu/ Serial No : 230724
4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
  - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm
  - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
8. Cơ sở sử dụng/ Customer : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYỄN  
Số 28 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA CHẤT & VẬT LIỆU XÂY DỰNG LAS - XD 35.004**  
Số 90/23 Lữ Gia, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester	ĐLCT

13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes:  Không/ No:
14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 23/07/2025
15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 02186
16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 31/07/2026

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
(Data of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
(Head of Metrology Laboratory)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
(pp. Director)

**Phạm Hải Đăng**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Deputy Director)

**Trương Văn Thuyền**

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.  
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.

17. KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/  
CALIBRATION RESULTS

* Sai số tổng/ Total error on wide range	-3 $\mu\text{m}$
* Sai số thành phần/ Partial error :	
- 1/10 vòng/ circle	-3 $\mu\text{m}$
- 1/2 vòng/ circle	-5 $\mu\text{m}$
- 1 vòng/ circle	-3 $\mu\text{m}$
- 1/5 vòng/ circle	-4 $\mu\text{m}$
* Độ hồi sai/ Retrace error	2 $\mu\text{m}$
* Độ hồi lặp lại/ Repeatability	0 $\mu\text{m}$

**Ghi chú/ Note :**

- Độ không đảm bảo đo mở rộng với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%:  $U = 5,9 \mu\text{m}$ / Expanded uncertainty of measurement with  $k=2$ , at 95% confidence level :  $U = 5,9 \mu\text{m}$ .

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác/ This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment law and in other official activities.

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2/ This measuring instrument shall not be used directly for the verification of group 2 measuring instruments.



GIA LE NGUYEN CO.,Ltd

## CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG GIA LÊ NGUYÊN

GIALENGUYEN CONSTRUCTION CONSULTANT LIMITED COMPANY

SỐ 02 – QUANG TRUNG – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

**PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG LAS 35.004 ( LAS 939)**

SỐ 13Đ – LỮ GIA – PHƯỜNG 9 – TP. ĐÀ LẠT

TEL: 063.3703443 – 0982 490202; FAX: 063.3 810269

Email : gialenguyendl@gmail.com

### PHẦN 4: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU VÀ HỢP ĐỒNG

#### KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG

#### I. MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU :

##### Dự án 1

Tên dự án	MERPERLE DALAT HOTEL
Địa điểm thực hiện	01 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 10, TP ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỸ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN LÊ NGUYÊN
Chủ đầu tư	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHẢI VY
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

##### Dự án 2

Tên dự án	TTC PLAZA ĐỨC TRỌNG
Địa điểm thực hiện	SỐ 713 - QL20 - TT LIÊN NGHĨA - ĐỨC TRỌNG - LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CP XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 3

Tên dự án	CÔNG TRÌNH VĂN PHÒNG VÀ KHÁCH SẠN CHARM ĐÀ LẠT
Địa điểm thực hiện	21 - 23 LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG 4, TP. ĐÀ LẠT, T. LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CP XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 4

Tên dự án	TÒA NHÀ VIETTEL LÂM ĐỒNG
Địa điểm thực hiện	SỐ 39 ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - PHƯỜNG 9 - TP ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ SÀI GÒN
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 5

Tên dự án	TRUNG TÂM HỘI NGHỊ KHÁCH SẠN DALAT PALACE HERITAGE
Địa điểm thực hiện	SỐ 02 TRẦN PHÚ - PHƯỜNG 3 - TP ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH ANH QUỐC SG CÔNG TY TNHH VĂN LANG
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 6

Tên dự án	TÒA NHÀ CẦU LẠC BỘ GOLF
Địa điểm thực hiện	SỐ 02 TRẦN NHÂN TÔNG - PHƯỜNG 1 - TP ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH ANH QUỐC SG CÔNG TY TNHH VĂN LANG
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 7

Tên dự án	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KẾT HỢP TRUNG BÀY SẢN PHẨM Ô TÔ
Địa điểm thực hiện	SỐ 13, ĐƯỜNG 3/4, PHƯỜNG 3, TP ĐÀ LẠT- TỈNH LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWTECONS
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 8

Tên dự án	GOLDEN IMPERIAL HOTEL
Địa điểm thực hiện	LÔ A1, KHU TT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ, PHƯỜNG 10, TP. ĐÀ LẠT, T. LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CỔ PHẦN CỌC VÀ XÂY DỰNG FECON
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 9

Tên dự án	MERCURE HOTEL
Địa điểm thực hiện	03 NGUYỄN DU - PHƯỜNG 9 - TP ĐÀ LẠT
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TÀI VIỆT TÍN
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 10

Tên dự án	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH QUẢNG THÁI
Địa điểm thực hiện	SỐ 1B - HOÀNG VĂN THỤ - PHƯỜNG 5 - TP ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TÀI VIỆT TÍN
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 11

Tên dự án	KING HOTEL DALAT
Địa điểm thực hiện	10 BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG 2, TP ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HOÀNG ANH ĐÀ LẠT
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 12

Tên dự án	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ NGHỈ DƯỠNG S2/ ĐOÀN AN ĐIỀU DƯỠNG 198
Địa điểm thực hiện	SỐ 2B , ĐƯỜNG LỮ GIA -P.9 -TP ĐÀ LẠT -LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CỔ PHẦN 319 MIỀN TRUNG
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 13

Tên dự án	NHÀ MÁY KÉO SỢI LÔNG CỬU ĐÀ LẠT
Địa điểm thực hiện	XÃ TRẠM HÀNH - TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ĐẠI DŨNG
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 14

Tên dự án	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ ĐÀ LẠT
Địa điểm thực hiện	37 TRẦN HƯNG ĐẠO - PHƯỜNG 10 - TP ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHONG ĐỨC
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

### Dự án 15

Tên dự án	DỰ ÁN KHO XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG SÂN BAY LIÊN KHƯƠNG
Địa điểm thực hiện	CẢNG HÀNG KHÔNG LIÊN KHƯƠNG - HUYỆN ĐỨC TRỌNG
Đơn vị thi công	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP 1 PETROLIMEX
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

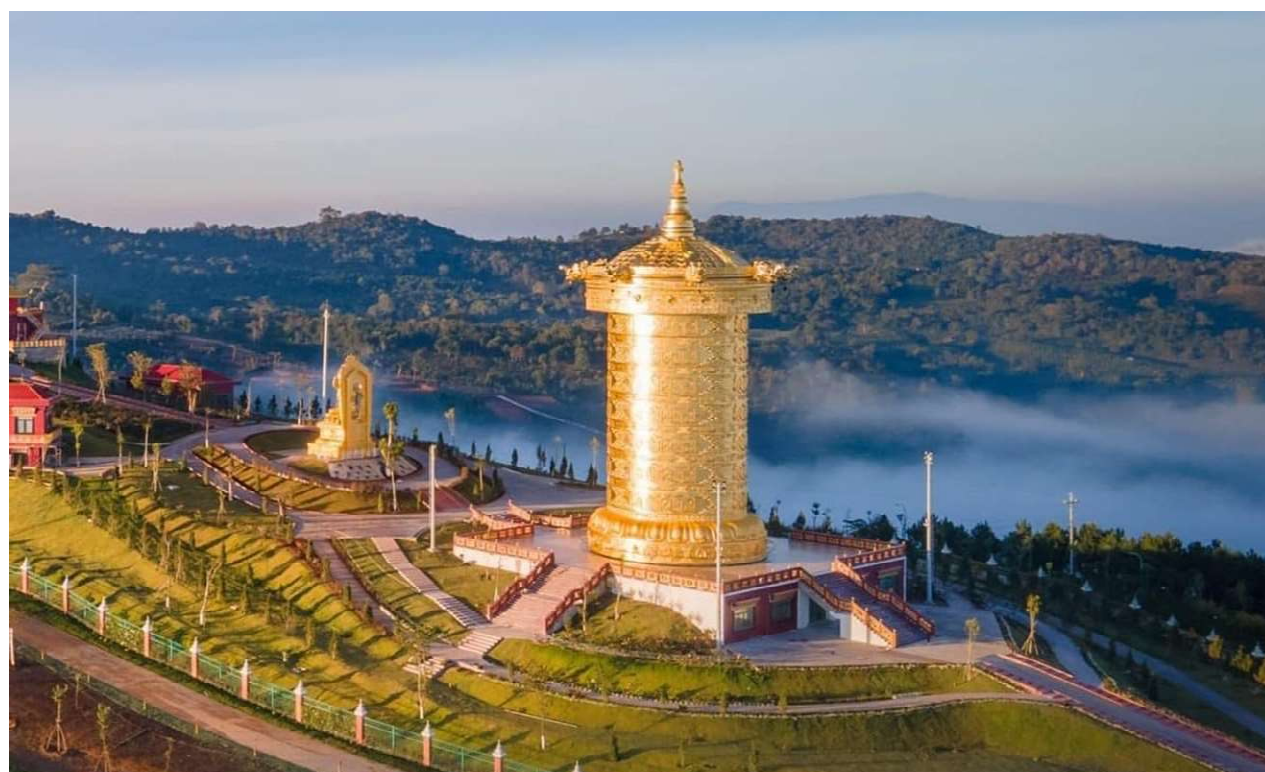
### Dự án 16

Tên dự án	SAMTEN HILLS DALAT
Địa điểm thực hiện	THÔN KAMBUTE, XÃ TU TRA, HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH SX – TM KIM PHÁT
Các công việc thực hiện trong gói thầu	Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra chất lượng công trình

## HÌNH ẢNH MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



DỰ ÁN: MERPERLE DALAT HOTEL



DỰ ÁN: SAMTEN HILLS DALAT



DỰ ÁN: GOLDEN IMPERIAL HOTEL



DỰ ÁN: TÒA NHÀ VIETTEL LÂM ĐỒNG



DỰ ÁN: TTC PLAZA ĐỨC TRỌNG



DỰ ÁN: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KẾT HỢP TRUNG BÀY SẢN PHẨM Ô TÔ



DỰ ÁN: NHÀ MÁY KÉO SỢI LÔNG CỪU ĐÀ LẠT



DỰ ÁN: MERCURE HOTEL



DỰ ÁN: TÒA NHÀ CÂU LẠC BỘ GOLF



DỰ ÁN: CÔNG TRÌNH VĂN PHÒNG VÀ KHÁCH SẠN CHARM ĐÀ LẠT